

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

BÁO CÁO TỔNG KẾT ĐỀ TÀI CẤP CƠ SỞ

**XÁC ĐỊNH HÀNH VI, HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT
VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỐNG KÊ**

CNĐT: CN NGUYỄN THỊ LƯỢT

HÀ NỘI – 2004

MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời nói đầu</i>	2
<i><u>Phần thứ nhất:</u> Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê là một trong những công cụ tất yếu để quản lý nhà nước</i>	3
A/ Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê - Tính tất yếu khách quan về cơ chế chính sách	3
B/ Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê - Tính tất yếu khách quan từ yêu cầu, đòi hỏi thực tế	7
C/ Tham khảo hành vi bị nghiêm cấm, hình thức và mức xử phạt của các nước trong khu vực và quốc tế	15
<i><u>Phần thứ hai:</u> Xác định hành vi, hình thức và mức phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, thẩm quyền, thủ tục, phạm vi, đối tượng, giám sát, kiểm tra</i>	27
A/ Một số yêu cầu chung khi xác định hành vi, hình thức và mức phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê	27
B/ Xác định cụ thể các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, hình thức, mức phạt và biện pháp khắc phục hậu quả	31
C/ Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê	36
D/ Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê	39
E/ Phạm vi, đối tượng, nguyên tắc kiểm tra, thanh tra	41
F/ Quá trình thử nghiệm đề tài	45
Kết luận	45
Kiến nghị	45
<u>Danh sách các chuyên đề</u>	46
<u>Danh mục tài liệu tham khảo</u>	47

LỜI NÓI ĐẦU

Thống kê là một trong những công cụ quản lý vĩ mô quan trọng, liên quan đến toàn bộ các hoạt động Kinh tế- Xã hội của nhà nước. Pháp lệnh Kế toán và Thống kê được ban hành năm 1988, sau 15 năm thực hiện đã bộc lộ những hạn chế không đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường, đầu mối thu thập thông tin thống kê tăng gấp bội về số lượng, đa dạng về loại hình sở hữu, ngành nghề kinh doanh, hình thức và trình độ hạch toán, đòi hỏi pháp luật phải được sửa đổi. Luật Thống kê được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17/6/2003 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2004. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/2/2004 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê. Đây là những văn bản pháp lý cao nhất về lĩnh vực thống kê. Để cho Luật Thống kê đi vào cuộc sống, nâng cao tính khả thi của văn bản pháp luật ngoài việc tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn thực hiện, Chính phủ cần có chế tài bắt buộc thi hành. Nghị định của Chính phủ số 93/1999/NĐ-CP ngày 7/9/1999 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê ban hành trên cơ sở Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 1995 và Pháp lệnh Kế toán- Thống kê năm 1988, đến nay đã trên 5 năm vì vậy có nhiều điểm không còn phù hợp với Luật Thống kê mới ban hành và Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính 7/2/2002. Thực tế đòi hỏi văn bản chế tài này cần sửa đổi. Việc nghiên cứu đề tài “ Xác định hành vi, hình thức và mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê” đánh giá kết quả thực hiện nghị định 93/CP, nghiên cứu các hành vi, hình thức và mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, tạo cơ sở để xây dựng Nghị định xử phạt hành chính trong lĩnh vực thống kê mới phù hợp với Luật Thống kê, Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và phù hợp thực tế hiện nay thay thế Nghị định số 93/1999/NĐ-CP ngày 7/9/1999 của Chính phủ.

Để hoàn thành chuyên đề này chúng tôi chân thành cảm ơn sự hợp tác quý báu của các Vụ, Viện, cục Trong ngành Thống kê và toàn cán bộ công chức Thanh tra Tổng Cục thống kê .

Do thời gian có hạn, nên đề tài còn nhiều hạn chế, thiếu sót. Thanh tra Tổng cục Thống kê mong nhận được sự góp ý chân thành của các đồng chí, đồng nghiệp trong và ngoài ngành để tiếp tục hoàn thiện .

Hà nội, tháng 12 năm 2004
BAN CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

PHẦN THỨ NHẤT

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

TRONG LĨNH VỰC THỐNG KÊ LÀ MỘT TRONG NHỮNG

CÔNG CỤ TẤT YẾU ĐỂ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

A/ Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê - Tính tất yếu khách quan về cơ chế chính sách.

Công tác thống kê liên quan đến mọi hoạt động kinh tế - xã hội và phục vụ điều hành, quản lý của các cấp, các ngành, đáp ứng yêu cầu thông tin của các đơn vị, tổ chức và nhân dân. Khi đất nước chuyển sang thời kỳ đổi mới, thực hiện quản lý Nhà nước bằng pháp luật, Pháp lệnh Kế toán và Thống kê ra đời là đòi hỏi khách quan, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác thống kê ở nước ta.

Pháp lệnh kế toán và thống kê ra đời có tác dụng lớn trong việc khắc phục những nhận thức lệch lạc đối với công tác thống kê, xác định trách nhiệm pháp lý của các cấp, các ngành, đơn vị cơ sở trong việc ghi chép, báo cáo số liệu thống kê với Nhà nước, với cấp trên. Đặc biệt, trong điều kiện tổ chức thống kê do địa phương quản lý, Pháp lệnh ra đời đã tạo điều kiện pháp lý để hạn chế tính phân tán, tùy tiện; tăng cường tính thống nhất và độc lập chuyên môn của các tổ chức và của cán bộ thống kê. Pháp lệnh kế toán và thống kê đã khẳng định hai hệ thống thống kê ở nước ta (do Tổng cục Thống kê thực hiện và do các bộ, ngành, uỷ ban nhân dân thực hiện), tạo cơ sở pháp lý cho công tác thống kê Việt Nam. Dựa vào đó, Tổng cục Thống kê và các bộ, ngành, địa phương đã ra các quyết định ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra, thanh tra chế độ báo cáo và điều tra thống kê, đã tạo được nguồn thông tin phong phú, đa dạng cho hệ thống số liệu thống kê tập trung phục vụ nhu cầu thông tin của các cấp, các ngành, từng bước hội nhập với thống kê khu vực và thế giới.

Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực ngày 1 - 1 - 1990; trong đó điều 1 quy định: Hành vi xâm phạm các quy tắc quản lý Nhà nước mà không phải là tội phạm hình sự phải bị xử phạt hành chính.

Trong thời gian từ 1988 đến đầu 1992 cùng tồn tại hai Pháp lệnh trên, hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, thống kê vẫn diễn ra khá phổ biến, trên phạm vi cả nước, nhưng chưa có các biện pháp hữu hiệu kiểm tra, xử lý và ngăn chặn.

Trước tình hình đó và để thực hiện Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành Nghị định số 52/HĐBT ngày 19 - 2 - 1992 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh

vực kế toán và thống kê. Đây là một văn bản pháp luật quan trọng, trong đó xác định những hành vi vi phạm hành chính về kế toán, thống kê, các hình thức và các mức phạt; quy định chức năng, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; quy định nhiệm vụ, quyền hạn kiểm tra, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định 52/HĐBT của hai ngành Tài chính, Thống kê. Nghị định 52/HĐBT ra đời là một cơ hội tốt, là chỗ dựa pháp lý để ngành Thống kê thực hiện chức năng kiểm kê, kiểm soát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm Pháp lệnh kế toán, thống kê. Tại điều 9 Nghị định 52/HĐBT quy định thẩm quyền của Thanh tra chuyên ngành kế toán, thống kê, trong đó được quyền phạt cảnh cáo, phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính về kế toán, thống kê. Mặt khác, tinh thần của Nghị định 52/HĐBT còn đòi hỏi việc thực hiện chức năng, quyền hạn và phương pháp quản lý mới; đó là việc chuyển đổi cơ chế quản lý bằng kế hoạch pháp lệnh và chỉ thị kiểm tra xét duyệt hoàn thành kế hoạch hàng năm sang quản lý bằng pháp luật (Pháp lệnh và Nghị định), bằng việc tiến hành kiểm tra, thanh tra thường xuyên và xử phạt nhằm ngăn chặn các hành vi vi phạm Pháp lệnh kế toán, thống kê.

Sau 3 năm thực hiện Nghị định 52/HĐBT ngày 19/02/1992 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán và thống kê, năm 1995 khi Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính ra đời, cùng với quá trình phát triển kinh tế – xã hội và yêu cầu đòi hỏi về thông tin thống kê của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của xã hội, để thực thi pháp luật về thống kê có hiệu lực và hiệu quả, năm 1999, Chính phủ đã ban hành 2 Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê (số 93/1999/NĐ-CP) và trong lĩnh vực kế toán (số 49/1999/NĐ-CP) thay thế 1 Nghị định trước đó chung cho cả 2 ngành.

Với tính thống nhất và đồng bộ, từ năm 1993, ngành Thống kê đưa vào chương trình, kế hoạch công tác hàng năm việc kiểm tra, thanh tra, xử lý các hành vi vi phạm Pháp lệnh kế toán và thống kê theo tinh thần, nội dung, yêu cầu của Nghị định 52/HĐBT (trước năm 1995), Nghị định 93/1999/NĐ-CP của Chính phủ (từ năm 1995 đến năm 2002).

Ngành thống kê đã hình thành hệ thống tổ chức Thanh tra chuyên ngành từ Trung ương đến tỉnh, thành phố để thực hiện chức năng kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm Pháp lệnh Thực hiện Điều 14 (kiểm tra), Điều 18 (xử lý vi phạm) của Pháp lệnh kế toán và thống kê, Điều 9 của Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

Trong thời gian từ năm 1992 (khi có Nghị định của Chính phủ về xử phạt) đến 2003 Ngành Thống kê đã thực hiện trên 8 ngàn cuộc kiểm tra, thanh tra, trong đó thanh tra gần 4000 lượt doanh nghiệp về tình hình chấp hành Pháp lệnh kế toán và thống kê. Đã phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính gần 1000

đơn vị cơ sở vi phạm ở mức nghiêm trọng Pháp lệnh kế toán và thống kê. Việc kiểm tra và xử lý đó đã góp phần thiết thực chấn chỉnh kỷ cương theo quy định của Pháp lệnh kế toán và thống kê.

Trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, đầu mối thu thập thông tin ngày càng tăng nhanh, nhiều và rất đa dạng. Các doanh nghiệp thuộc các thành phần ngoài quốc doanh chiếm tỷ lệ rất lớn (gần 90%) trong tổng số doanh nghiệp; năm sau tăng hơn năm trước từ 3 đến 5 vạn đơn vị. Đối với ngành công nghiệp đến cuối năm 2002 có 765.976 cơ sở, trong đó ngoài quốc doanh 762.708 đơn vị, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 1.674 đơn vị; ngành thương mại (gồm thương mại, khách sạn nhà hàng, du lịch, kinh doanh tài sản tư vấn, giáo dục, y tế, văn hoá thể thao, phục vụ cá nhân công cộng) là 29.287 đơn vị, trong đó ngoài quốc doanh là 24.229 đơn vị, có vốn đầu tư nước ngoài là 402 doanh nghiệp; Về tổng số hộ kinh doanh thương mại đến 1/7/2002 có tới 1.679.696 hộ; riêng lĩnh vực nông nghiệp có trên 12 triệu hộ. Nhiều doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (gọi tắt là đơn vị cơ sở) và hộ cá thể (nông nghiệp, tiểu thủ công, thương nghiệp ...) nhận thức không đúng về mục đích thống kê, cho rằng trong thời kỳ mới, việc ghi chép và báo cáo thống kê không đem lại quyền lợi cho cơ sở và người dân; Mặt khác, trong những năm đầu của thời kỳ đổi mới, tình hình kinh tế - xã hội đặt ra nhiều vấn đề mới, những khó khăn, thách thức mới đối với Ngành Thống kê. Công tác thống kê ở nhiều nơi, nhiều lúc không được các cấp, các ngành quan tâm đúng mức; hệ thống tổ chức và bộ máy thống kê nói chung cũng như ở đơn vị cơ sở bị dồn ghép, xáo trộn nhiều; Do đó, công tác thu thập số liệu thống kê gặp nhiều khó khăn, trở ngại.

Bảo đảm thông tin thống kê đầy đủ, chính xác, kịp thời nhằm phục vụ các cơ quan, lãnh đạo nhà nước trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác; tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về công tác thống kê.

Để nâng cao hiệu quả công tác thống kê, việc hoàn thiện môi trường pháp lý cho công tác thống kê là cốt lõi bảo đảm đầy đủ tính pháp lý, làm căn cứ cho mọi hoạt động thống kê vừa mang tính khoa học, tính thực tiễn, vừa bảo đảm tính so sánh.

Luật thống kê là kết quả của quá trình nghiên cứu lý luận, học tập kinh nghiệm thống kê tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới, quá trình tổng kết, đúc kết kinh nghiệm từ thực tiễn của hoạt động thống kê Việt Nam, từ đòi hỏi về nhu cầu thông tin thống kê nhanh, nhạy, trung thực, khách quan, chính xác, kịp thời và đầy đủ phục vụ lãnh đạo, cơ quan nhà nước các cấp trong việc

quản lý kinh tế - xã hội, quản lý đất nước và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của toàn xã hội.

Luật thống kê ra đời đòi hỏi các văn bản pháp lý về thống kê cũng được ban hành đồng bộ. Cùng với Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, Nghị định về hệ thống tổ chức thống kê tập trung, các văn bản pháp luật về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê như hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, chương trình điều tra thống kê quốc gia, các chế độ báo cáo thống kê cơ sở, báo cáo thống kê tổng hợp ... Việc ban hành các văn bản pháp lý nhằm tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động thống kê - Đó là thanh tra và xử lý vi phạm cũng là yêu cầu tất yếu, khách quan trong việc quản lý đất nước và xã hội.

Luật thống kê là sự kế thừa và phát triển của Pháp lệnh kế toán – thống kê năm 1988. Cũng như Luật thống kê ngày nay, Pháp lệnh kế toán – thống kê cùng với một hệ thống văn bản pháp lý, các chế tài bảo đảm cho Pháp lệnh được thực hiện nghiêm, trong đó ngoài các chế độ nghiệp vụ về thống kê, một văn bản có tính quyết định các biện pháp hữu hiệu để tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đó là pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Nghị định xử phạt vi phạm hành chính riêng cho lĩnh vực thống kê.

Luật thống kê thay thế các quy định về thống kê trong Pháp lệnh kế toán và thống kê năm 1988. Khác với Pháp lệnh, Luật thống kê đã quy định đầy đủ về phạm vi điều chỉnh bao gồm điều tra, báo cáo thống kê, công bố, sử dụng thông tin thống kê nhà nước và hệ thống tổ chức thống kê nhà nước.

Luật thống kê đã quy định đầy đủ cả ba đối tượng áp dụng Luật bao gồm các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp thông tin thống kê trong việc thực hiện điều tra và báo cáo thống kê; tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê nhà nước; tổ chức thống kê và người làm công tác thống kê... nhằm xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của từng tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc thực hiện pháp luật về thống kê, bảo đảm thông tin thống kê có đủ độ tin cậy làm căn cứ pháp lý, chuẩn mực trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và đáp ứng nhu cầu thông tin của các tổ chức, cá nhân, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về công tác thống kê.

Để Pháp luật thống kê đi vào cuộc sống thực sự, không thể không áp dụng công cụ kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực thi pháp luật thống kê, trong đó biện pháp uốn nắn, xử lý những sai phạm thường xảy ra trong quá trình hoạt động và quản lý kinh tế – xã hội của đất nước - Đó là xử lý vi phạm hành chính - Một trong những công cụ mạnh mẽ để thực hiện quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thống kê. Chính vì vậy, Nhà nước đã có Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính nói chung và Nghị định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

nói riêng. Vi phạm hình sự không phải lúc nào, ở đâu cũng xảy ra như quy định tại điều 176 Bộ luật hình sự "báo cáo sai về kinh tế", trong khi vi phạm hành chính đang là hiện tượng thường xuyên, cần tiến hành kiểm tra và xử lý liên tục đều khắp để kịp thời ngăn chặn.

Muốn việc chấp hành pháp luật thống kê một cách toàn diện và triệt để phải thực hiện Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính. Muốn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính phải có tổ chức Thanh tra Nhà nước chuyên ngành thống kê, phải tăng cường, củng cố và phát triển lực lượng Thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra thống kê.

Thực hiện Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính đòi hỏi nhận thức, hành động phải thống nhất, có quyết tâm cao trong ngành thống kê và sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất, sớm khắc phục tình trạng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược". Nhiều nơi thực hiện nghiêm túc, nhiều nơi lại thả nổi hoặc né tránh thực hiện Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính trong thống kê dẫn đến hạn chế lớn, thậm chí phản tác dụng của Nghị định hoặc gây khó khăn, phức tạp thêm cho những nơi, những cấp thực hiện nghiêm túc.

Thực hiện Nghị định xử phạt phải nghiêm túc, đầy đủ theo quy trình, từ kiểm tra, lập biên bản vi phạm, ra các quyết định và chấp hành các quyết định xử lý; bảo đảm đầy đủ tính pháp lý của việc thi hành Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính; tránh tình trạng vi phạm pháp luật trong khi thực thi pháp luật..

B/ Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê - Tính tất yếu khách quan từ yêu cầu đòi hỏi thực tế.

Qua kết quả kiểm tra, thanh tra chấp hành Pháp lệnh kế toán, thống kê cho thấy 100% các đơn vị được thanh tra đều vi phạm Pháp lệnh kế toán, thống kê ở phạm vi và mức độ khác nhau, phổ biến nhất là vi phạm các khoản 1, 3, 4, 6 của điều 7 và điều 12 Pháp lệnh kế toán, thống kê; Thanh tra đã buộc phải áp dụng Nghị định xử phạt vi phạm hành chính để xử phạt đối với các đơn vị và cá nhân cố ý vi phạm nghiêm trọng.

Qua Thanh tra thống kê còn nêu được hàng ngàn kiến nghị, yêu cầu chấn chỉnh kỷ luật báo cáo thống kê. Những kiến nghị và các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra thống kê đã được các đơn vị và cá nhân vi phạm tiếp thu, chấp hành nghiêm túc.

Tổng hợp kết quả kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

Năm	Doanh nghiệp					Điều tra và báo cáo		Kinh phí		Tổng cộng	
	Số cuộc t.tra	đ.vị xử phạt	Phạt tiền		Cảnh cáo	Số cuộc t.tra	Cảnh cáo	Số cuộc t.tra	Cảnh cáo	Số Cuộc t.tra	Xử phạt
			đơn vị	Tiền (tr. đ)							
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T.số	3988	942	245	223,2	697	3722	49	939	9	8649	1000
1993	94	9	1	0.5	8					94	9
1994	126	32			32					126	32
1995	434	89	29	10.05	60		4			434	93
1996	505	105	27		78	373	6	84	2	962	113
1997	718	174	56	35.15	118	467	10	150		1335	184
1998	845	163	25	17.2	138	524	8	178	2	1547	173
1999	413	105	45	34.8	60	290	7	135	4	838	116
2000	418	116	29	63.4	100	246	4	147	1	907	121
2001	364	117	29	49.6	89	211	7	186		761	118
2002	56	17	3	8		618	2	6		680	19
2003	15	15	2	4	13	993	7	53		1061	22

Thực tế 10 năm qua cho thấy ý nghĩa, tác dụng rất lớn của Nghị định 52/HĐBT và Nghị định 93/1999/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

Nâng cao hiệu lực của Pháp lệnh kế toán và thống kê, góp phần lập lại kỷ cương trên lĩnh vực thông tin kinh tế xã hội; thực hiện công bằng xã hội; đơn vị, cá nhân chấp hành chưa tốt hoặc không chấp hành pháp luật bị xử lý nghiêm minh. Từng bước khắc phục tình trạng nơi thực hiện tốt cũng như không tốt, người chấp hành cũng như người không chấp hành pháp luật.

Góp phần nâng cao chất lượng số liệu thống kê và thông tin kinh tế - xã hội; bảo đảm thu đầy đủ, đúng thời gian các báo cáo thống kê.

Góp phần đấu tranh chống tiêu cực trong hạch toán và báo cáo thống kê. Công tác kiểm tra, thanh tra đã phát hiện nhiều trường hợp cố tình hạch toán và báo cáo thiếu doanh thu để trốn, giảm thuế.

Hoạt động kiểm tra thanh tra thực hiện pháp luật thống kê đã giúp cho việc thực hiện các chế độ thống kê đi vào nề nếp, các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng cung cấp thông tin thống kê thấy được quyền và trách nhiệm của mình trong việc phải cung cấp, báo cáo thông tin thống kê chính xác, kịp thời, đầy đủ cho Nhà nước về kết quả hoạt động, sản xuất kinh doanh của mình. Cũng qua hoạt động kiểm tra đã tuyên truyền phổ biến pháp luật thống kê, đưa pháp luật thống kê vào cuộc sống. Qua kiểm tra, thanh tra đã tăng cường mối quan hệ giữa cơ quan thống kê với tổ chức, cá nhân chấp hành pháp luật thống kê, đã hướng dẫn, uốn nắn, nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời những tồn tại, khiếm khuyết trong quá trình thực hiện các chế độ báo cáo, chế độ điều tra thống kê, đã góp phần ngày càng tăng số lượng đơn vị thực hiện chế độ báo cáo khá và tốt, giảm đơn vị yếu, kém.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thống kê đã thực hiện nghiêm chỉnh, đúng quy định về nội dung, trình tự, thủ tục của Nghị định 61/1998/NĐ-CP ngày 15/8/1998 về công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, đã có kế hoạch thanh tra doanh nghiệp ngay từ đầu năm, gửi Thanh tra nhà nước tỉnh, thành phố để cùng phối kết hợp, tránh trùng lặp chồng chéo trong kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp.

Từ năm 2002, thực hiện Chỉ thị số 22 của Thủ tướng Chính phủ về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, Ngành Thống kê không trực tiếp thanh tra doanh nghiệp theo kế hoạch thường xuyên; chỉ kiểm tra và xử phạt đối với những doanh nghiệp khi có căn cứ cho rằng vi phạm pháp luật về thống kê.

Kết quả thực hiện chế độ báo cáo thống kê qua các năm cho thấy:

Năm	Tổng số			Công Nghiệp			Thương Nghiệp			Nông nghiệp		
	T.số đ.vị phải b/cáo	Số đ.vị t/hiện tốt, khá	Số đ.vị t/hiện yếu, kém	T.số đ.vị phải b/cáo	Số đ.vị t/hiện tốt, khá	Số đ.vị t/hiện yếu, kém	T.số đ.vị phải b/cáo	Số đ.vị t/hiện tốt, khá	Số đ.vị t/hiện yếu, kém	T.số đ.vị phải b/cáo	Số đ.vị t/hiện tốt, khá	Số đ.vị t/hiện yếu, kém
1996	18490	4878	9537	5401	1424	2449	6735	1545	3409	1812	600	748
1997	204760	5574	11150	6307	1795	3495	6972	1589	4276	2253	661	1162
1998	19312	5972	8859	5743	1873	2444	6604	1801	3687	1868	490	407
1999	21150	6563	9826	5952	1982	2463	7461	2141	3976	2137	556	1171
2000	22901	7602	9711	6364	1982	2332	8267	2289	3976	2179	483	1336
2001	12000	6349	3606	3964	2403	899	4367	2214	1356	1308	385	823
2002	11775	5857	3638	3384	1959	820	4342	2172	1430	1293	366	850
2003	10556	5704	3053	3097	1853	663	3587	2000	1045	1343	373	922

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện Nghị định 93/1999/NĐ-CP còn có những nhược điểm và tồn tại:

Thanh tra chấp hành chế độ thống kê là công việc không thể thiếu được trong công tác thống kê nhằm tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành pháp luật thống kê. Trong công tác thống kê, việc tuân thủ nghiêm túc các quy định về thống kê sẽ có tác động tới chất lượng số liệu, nâng cao độ tin cậy của số liệu thống kê.

Như phân trên đã nêu, 100% số đơn vị được kiểm tra đều có vi phạm, trong đó có nhiều vi phạm nghiêm trọng các khoản 3, 4 của điều 7 Pháp lệnh kế toán, thống kê: báo cáo sai sự thật, để ngoài sổ sách kế toán, thống kê với số lượng và trị giá tài sản, vật tư, doanh thu, ... rất lớn, nhưng việc xử phạt còn quá ít và quá nhẹ (chủ yếu là cảnh cáo; phạt tiền với mức quá thấp so với quy định tại Nghị định). Chính nhược điểm này, đã làm hạn chế hiệu lực, tác dụng của Nghị định. xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

Đã phát hiện được tình trạng vi phạm Pháp lệnh kế toán, thống kê đang diễn ra phổ biến, nhưng việc tiếp tục kiểm tra, thanh tra và xử lý, ngăn chặn ... lại không được tiến hành mạnh mẽ hơn, kiên quyết hơn. Trái lại, với những lý do khác nhau, một số nơi có chiều hướng thu hẹp phạm vi kiểm tra và xử lý theo yêu cầu của Nghị định, một số nơi né tránh việc thực hiện Nghị định đến

nay chưa xử phạt vi phạm hành chính đơn vị nào mặc dù đã thanh tra phát hiện nhiều vi phạm, trong đó không ít vi phạm nghiêm trọng.

Pháp luật Nhà nước, trước hết phải thực thi nghiêm túc với các đối tượng thuộc kinh tế Nhà nước, nhưng vừa qua việc thanh tra phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính đối với các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp liên doanh giữa nhà nước với nước ngoài còn quá ít; còn một số tỉnh chưa thực hiện xử lý vi phạm đối với thành phần kinh tế này (thực chất là né tránh việc xử phạt).

Về chế độ thống kê:

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê ban hành đã quá lâu (từ năm 1972) lại không được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, không bổ sung kịp thời những chỉ tiêu mới, thiếu một số chỉ tiêu phản ánh chất lượng, hiệu quả kinh tế; thiếu chế độ báo cáo thống kê của một số lĩnh vực và loại hình kinh tế. Hệ thống chỉ tiêu và một số báo cáo thống kê đã ban hành nhưng chưa đồng bộ, chưa thống nhất và tiêu chuẩn hoá.

- Vẫn còn tình trạng biểu báo cáo thống kê dài và có yêu cầu cao so với khả năng thực hiện của cơ sở như: Một số chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu tổng hợp đòi hỏi với doanh nghiệp hay với thống kê xã phường.

- Tuy Nhà nước đã ban hành chức danh thống kê ở xã phường, nhưng việc thực hiện chưa đầy đủ, chưa đúng với qui định. Nhiều địa phương vẫn chưa thực hiện đúng qui định về chế độ thống kê xã, phường.

- Mặc dù đã qui định về thẩm quyền ra quyết định ban hành biểu mẫu báo cáo thống kê nhưng vẫn còn có Ngành qui định cho cơ sở thuộc quyền báo cáo thống kê những loại biểu không thống nhất, có chỉ tiêu mâu thuẫn với biểu báo do ngành thống kê đang sử dụng hiện hành.

- Do pháp luật (Hiến pháp, Luật tổ chức Chính phủ ...) của nhà nước có những thay đổi, việc xác định thẩm quyền ban hành các văn bản pháp quy về thống kê chưa rõ ràng cũng có phần ảnh hưởng đến công tác thống kê.

Ưu, khuyết điểm tồn tại và nguyên nhân trong việc chấp hành chế độ báo cáo thống kê

Theo báo cáo của các địa phương, tình hình chấp hành chế độ báo cáo thống kê trong thời gian qua ở các loại hình đơn vị doanh nghiệp ngày càng có xu hướng tốt hơn: Tỷ lệ đơn vị chấp hành báo cáo loại khá tăng lên, loại yếu kém giảm dần. Trong một số ngành tỷ lệ số đơn vị thực hiện chế độ báo cáo thống kê cũng tăng so với các năm trước như ngành công nghiệp, ngành thương mại, ngành xây dựng...

Sự chuyển biến về công tác báo cáo có dấu hiệu đáng mừng, củng cố uy tín của ngành, có tác dụng nâng cao hơn nữa vai trò quản lý Nhà nước bằng pháp luật đối với ngành thống kê.

Tuy nhiên tình hình chấp hành chế độ báo cáo thống kê thời gian qua cũng còn những mặt yếu kém, tồn tại cần phải khắc phục sửa chữa.

- Tỷ lệ đơn vị chấp hành chế độ báo cáo khá và tốt tăng nhưng trong các thành phần kinh tế, tỷ lệ này không đồng đều làm cho số liệu thiếu đồng bộ, không đầy đủ và ít phát huy tác dụng.

- Tỷ lệ đơn vị yếu kém và chưa chấp hành chế độ báo cáo vẫn còn cao (48,2%) tập trung chủ yếu ở các ngành thương mại 3976 đơn vị, công nghiệp 2463 đơn vị và ngành xây dựng 1188 đơn vị.

- Tỷ lệ đơn vị đã chấp hành chế độ báo cáo thuộc loại khá tăng lên (25,6% năm 1996 lên 30,2% năm 2000) loại yếu kém giảm (từ 53,3% năm 1996 xuống 48,2% năm 2000) nhưng nhìn chung số lượng báo cáo, chỉ tiêu báo cáo chưa đầy đủ, chất lượng chỉ tiêu báo cáo còn nhiều hạn chế.

- Việc sắp xếp cán bộ làm công tác thống kê chưa đảm bảo tính thống nhất, nhiều nơi cán bộ thống kê vẫn kiêm nhiệm, phụ thuộc vào phòng kế toán tài vụ, số liệu báo cáo thống kê thiếu sự kiểm tra, kiểm soát dẫn đến báo cáo thống kê chưa thể hiện khách quan, đầy đủ, độ tin cậy còn hạn chế nhiều.

Những năm gần đây ngành thống kê đã có nhiều cải tiến trong việc xây dựng chế độ báo cáo cho các đơn vị thuộc các ngành và lĩnh vực khác nhau. Song chưa phù hợp, thiếu thực tế đó là các đơn vị kinh doanh nhiều ngành nghề, nhiều lĩnh vực thì không thể thực hiện tất cả chế độ báo cáo như qui định.

- Công tác kiểm tra, kiểm soát tuy đã đạt được những thành tích nhất định nhưng còn những hạn chế do chưa tiến hành đều khắp, thường xuyên liên tục. Trong thanh tra, kiểm tra còn né tránh hoặc nong nhẹ với sai sót, khuyết điểm mà cơ sở mắc phải, xử lý sai phạm về hành vi vi phạm chế độ thống kê có những trường hợp chưa đúng với lỗi đã mắc.

Báo cáo điều tra thống kê cần được nhận thức đầy đủ hơn với đặc điểm nền kinh tế đang tiến từng bước tới kinh tế thị trường, nhiều thành phần vừa phục vụ cho vĩ mô và vi mô.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:

Chưa ổn định đội ngũ cán bộ thống kê, đội ngũ cán bộ thống kê (dù kiêm nhiệm hay chuyên trách) thực hiện chế độ báo cáo thống kê ở cơ sở không được đào tạo kỹ và luôn luôn bị thay đổi.

Đối với ngành Thống kê: Công tác nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu, thiết kế và ban hành các chế độ báo cáo và điều tra thống kê một số lĩnh

vực chuyển biến chậm, không theo kịp với phương hướng đổi mới của Ngành Thống kê đã đề ra. Tuy đã cải tiến nhiều lần các chế độ báo cáo thống kê, nhiều chế độ báo cáo được thay bằng điều tra, nhưng nhìn chung cả hai hình thức thu thập là báo cáo thống kê và điều tra vẫn còn có nội dung chồng chéo.

Lãnh đạo và cán bộ thống kê các cấp chưa thực sự chủ động trong việc hướng dẫn, kiểm tra, giúp đỡ cấp dưới, nhất là đối với cơ sở thực hiện chế độ thống kê của Nhà nước. Một trong những biểu hiện đó là ở nhiều địa phương chưa làm tốt công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm chế độ báo cáo và điều tra thống kê. Mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong việc tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê của Nhà nước chưa tốt như các cơ quan chủ quản của doanh nghiệp, cơ quan tài chính, thanh tra, thuế, cơ quan tuyên truyền và thông tin đại chúng. Trình độ quản lý và chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ thống kê các cấp, các ngành còn nhiều hạn chế; số lượng thì vừa thiếu lại vừa thừa như tình trạng chung hiện nay.

Hệ thống tổ chức thống kê bộ, ngành, thống kê doanh nghiệp, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp, v.v... những năm qua bị lu mờ, tổ chức và người làm công tác thống kê rất thiếu nếu không nói là không có lại rất yếu.

Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật không đồng bộ, đồng thời, nhiều văn bản hướng dẫn (Nghị định, thông tư ...) cho một văn bản luật (Luật, Pháp lệnh) đã nhiều lần ban hành quá chậm (sau hàng 2 đến 4 năm).

Đối với các cấp, các ngành, các đơn vị cơ sở: Nhận thức không đầy đủ, thậm chí lệch lạc về dân chủ và tự chủ trong sản xuất kinh doanh, trong hạch toán nên nhiều đơn vị cơ sở đã tùy tiện trong việc tổ chức ghi chép ban đầu, trong nghĩa vụ báo cáo thống kê; thậm chí xem thường và không chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê của Nhà nước. Ý thức và trình độ nhận thức về Pháp luật Thống kê của một số đơn vị cơ sở yếu kém. Chưa hiểu đúng về quyền và trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin thống kê trong điều tra và báo cáo thống kê, chưa yên tâm khi cung cấp thông tin khi chưa hiểu thông tin mà họ cung cấp chỉ được sử dụng cho mục đích thống kê, không sử dụng thông tin do họ cung cấp để tính, thu thuế hoặc cho mục đích khác; nên nhiều thông tin do họ cung cấp thiếu chính xác, trung thực, đầy đủ và kịp thời.

Việc thực hiện chế độ báo cáo và điều tra thống kê nhìn chung chưa nghiêm túc và còn vi phạm. Các vi phạm chủ yếu tập trung ở các dạng: báo cáo không đủ chỉ tiêu, không đúng thời hạn quy định; nghiêm trọng hơn là không báo cáo và cố tình báo cáo sai thực tế. Đặc biệt nghiêm trọng là một số nơi, cán bộ Lãnh đạo đã can thiệp sâu vào tính khách quan của thống kê, đã gò ép cấp dưới báo cáo cao về một số chỉ tiêu không đúng sự thật ...

Các biên bản vi phạm hành chính về thống kê chưa được lập một cách đầy đủ, thiếu nhiều chứng cứ cụ thể. Biên bản kiểm tra, thanh tra là văn bản phải mang tính pháp lý cao, nhưng không bảo đảm thủ tục pháp lý theo quy định. Tính chất, mức độ của hành vi vi phạm ghi trong biên bản mâu thuẫn với lý do ghi trong quyết định xử phạt (thường trong biên bản vi phạm ghi nặng hơn nhiều so với ghi trong quyết định xử phạt). Những khiếm khuyết của biên bản cùng với những kiến nghị chung chung gây khó khăn cho việc đối chiếu, áp dụng các điều khoản của Nghị định xử phạt.

Ngoài những tồn tại, nhược điểm chủ quan nêu trên, bản thân Nghị định 93/1999/NĐ-CP qua thực tế đã bộc lộ một số nhược điểm:

Nghị định 93/1999/NĐ-CP tuy đã được hoàn thiện, nhưng từ đó đến nay đã quá nhiều thay đổi về cơ chế, chính sách, về luật pháp, về quản lý kinh tế – xã hội, về yêu cầu thông tin thống kê đòi hỏi công tác thống kê phải bắt kịp. Như vậy Nghị định 93/1999/NĐ-CP còn thiếu nhiều nội dung, nhất là từ khi Luật thống kê được ban hành; Theo quy định của Luật thống kê thì Nghị định 93 đã quy định không hết và không rõ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, các hoạt động thống kê.

Về phạm vi điều chỉnh của Nghị định 93 chưa bao quát hết mọi hoạt động thống kê. Về đối tượng áp dụng chưa xác định đầy đủ 3 đối tượng cung cấp thông tin thống kê, sử dụng thông tin thống kê, tổ chức thống kê và người làm công tác thống kê...

Nghị định 93/1999/NĐ-CP đã gom nhiều hành vi vi phạm vào một khung phạt, vì vậy, để có thể thực hiện được Nghị định 93, phải kèm theo thông tư hướng dẫn Nghị định, để quy định từng hành vi vi phạm, khung tiền phạt và mức phạt đối với từng hành vi vi phạm trong lĩnh vực thống kê.

Xác định các hoạt động thống kê ở thời điểm Nghị định ban hành - khi đó chế độ báo cáo thống kê còn áp dụng trên phạm vi rộng, ngoài doanh nghiệp nhà nước, và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn áp dụng tại tất cả các doanh nghiệp ngoài quốc doanh thuộc tất cả các ngành, các thành phần kinh tế.

Đến nay, thu thập thông tin bằng hình thức điều tra thống kê là cơ bản, báo cáo thống kê chủ yếu chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp nhà nước, vốn đầu tư nước ngoài; Hoạt động thống kê chưa đưa vào quy chế điều hành, điều phối cấp vĩ mô toàn quốc; còn tình trạng “mạnh ai nấy chạy” nên ở thời điểm ấy Nghị định 93/1999/NĐ-CP mới dừng ở một số hành vi chưa chi tiết, cụ thể nên xác định hành vi vi phạm chưa đầy đủ, mới quy định được về sử dụng mẫu biểu thống kê, vi phạm việc ban hành, sửa đổi, bổ sung chế độ thống kê, báo cáo sai và khai man số liệu thống kê, nộp báo cáo thống kê không kịp thời, đây

đủ, vi phạm phương pháp thống kê, vi phạm chế độ bảo quản số liệu, tài liệu thống kê và rất nhiều hành vi vi phạm, như:

- Vi phạm quy định về điều tra thống kê
- Vi phạm quy định về báo cáo thống kê tổng hợp
- Vi phạm quy định về sử dụng thông tin thống kê
- Vi phạm quy định về công bố thông tin thống kê
- Vi phạm quy định về quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thống kê
- Vi phạm quy định về điều tra thống kê của các tổ chức, cá nhân ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước
- Vi phạm các quy định về thanh tra, kiểm tra thống kê.

Từ mức phạt tối thiểu đến mức tối đa của một khung phạt tiền quá rộng; khi áp dụng dễ tùy tiện tăng nặng hoặc giảm nhẹ theo chủ quan của người xử phạt.

Nghị định chỉ quy định thẩm quyền và mức xử phạt cho hai cơ quan: UBND các cấp và Thanh tra ngành thống kê theo mức của Pháp lệnh năm 1995; Đến thời điểm tổng kết này, Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính mới năm 2002 đã nâng mức phạt tối đa lên 500 triệu đồng (cũ 100.000.000. đồng); chánh thanh tra chuyên ngành cấp sở lên 20 triệu đồng (cũ 10 triệu đồng), của chủ tịch UBND cấp huyện lên 20 triệu đồng (cũ 10 triệu đồng), cấp tỉnh phạt tiền tối đa đối với các lĩnh vực (cũ là 100 triệu đồng)... Song chưa có Nghị định mới quy định việc xử phạt cho lĩnh vực thống kê theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Luật thống kê mới ban hành.

C/ Tham khảo hành vi bị nghiêm cấm, hình thức, mức xử phạt trong lĩnh vực thống kê của các nước trong khu vực và quốc tế

Luật thống kê các nước đã quy định về các hành vi bị nghiêm cấm, hình thức, mức xử phạt:

Luật thống kê các nước đã quy định hành vi vi phạm, hình thức và mức phạt cụ thể. Hình phạt đều áp dụng phạt tiền và phạt tù. Có nước dùng cả hình thức nhắc nhở, phê bình, buộc phải cung cấp thông tin hoặc phải bồi thường thiệt hại cho cơ quan thống kê khi phải sửa và tổng hợp lại số liệu (Liên bang Nga), Trung Quốc còn ghi “Buộc thu hồi tiền thưởng, tước bỏ danh hiệu vinh dự, huỷ bỏ chức vụ đề bạt do hành vi báo cáo lừa dối để được khen thưởng, đề bạt...” là một trong số nước có hình phạt nghiêm khắc nhất. Malaysia quy định “Ủy ban thống kê trong khi đang thi hành nhiệm vụ mà tiết lộ bất kể thông tin nào đã nắm bắt được thì mức phạt tù tới 2 năm, hoặc phạt tiền tới 5.000 Ringit (tương đương 2000\$) hoặc chịu cả hai hình phạt...”

1. Luật thống kê Việt Nam: (Số 13/2003/L/CTN ngày 26 tháng 6 năm 2003)

- **Điều 6.** Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thống kê

Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Không thực hiện hoặc cản trở việc thực hiện chế độ báo cáo, điều tra thống kê;
2. Khai man thông tin; báo cáo, công bố thông tin thống kê sai sự thật; ép buộc người khác khai man thông tin, báo cáo, công bố thông tin thống kê sai sự thật;
3. Tiết lộ thông tin thống kê thuộc danh mục bí mật nhà nước; tiết lộ thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng tổ chức, cá nhân khi chưa được sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đó;
4. Quyết định điều tra, ban hành chế độ báo cáo thống kê trái quy định của pháp luật;
5. Các hành vi khác vi phạm pháp luật về thống kê.

Điều 36. Thanh tra thống kê

1. Thanh tra thống kê là thanh tra chuyên ngành về thống kê. Thanh tra thống kê có nhiệm vụ thanh tra việc chấp hành pháp luật về thống kê; phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về thống kê; kiến nghị các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về thống kê.

2. Tổ chức và hoạt động thanh tra thống kê do Chính phủ quy định.

Điều 37. Quyền và trách nhiệm của thanh tra thống kê

Khi tiến hành thanh tra, đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên có quyền và trách nhiệm sau đây:

1. Xuất trình quyết định thanh tra và thẻ thanh tra viên;
2. Yêu cầu đối tượng thanh tra, các bên có liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ và trả lời những vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra;
3. Lập biên bản thanh tra, kiến nghị biện pháp giải quyết đối với những sai phạm;
4. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;
5. Thực hiện đúng trình tự, thủ tục thanh tra, không gây phiền hà, sách nhiễu, làm cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh và hoạt động bình thường của đối tượng thanh tra;

6. Báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về kết quả thanh tra và kiến nghị biện pháp giải quyết;

7. Tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận thanh tra và biện pháp xử lý do mình quyết định;

8. Giữ bí mật tài liệu thanh tra theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra thống kê

Đối tượng thanh tra có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Yêu cầu đoàn thanh tra, thanh tra viên xuất trình quyết định thanh tra, thẻ thanh tra viên và thực hiện đúng quy định của pháp luật về thanh tra;

2. Tạo điều kiện để đoàn thanh tra và thanh tra viên thực hiện nhiệm vụ;

3. Cung cấp tài liệu, chứng cứ và trả lời các vấn đề có liên quan đến nội dung thanh tra theo yêu cầu của đoàn thanh tra, thanh tra viên;

4. Chấp hành các quyết định xử lý của đoàn thanh tra, thanh tra viên theo quy định của pháp luật;

5. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quyết định thanh tra, hành vi của thanh tra viên và kết luận, quyết định của thanh tra thống kê mà mình có căn cứ cho là không đúng pháp luật;

6. Yêu cầu bồi thường thiệt hại do các biện pháp xử lý không đúng pháp luật của đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên gây ra.

II/ Luật Thống kê Cộng hoà Ba Lan

Điều 8 quy định các hành vi:

Trong điều tra thống kê mà đối tượng là các cá nhân thì không được thu thập trên cơ sở bắt buộc các thông tin về nòi giống, tín ngưỡng, cuộc sống riêng tư và các quan điểm chính trị, triết học.

III/ Luật Tổng điều tra và thống kê của Liên Bang Úc

(1905, tái bản 31/12/ 1989)

1.1- Về từ chối hoặc không trả lời câu hỏi ...

14. (1) Người nào không có lý do hợp lý từ chối hoặc không tuân theo quy định đặt ra cho người ấy theo khoản mục 10 (4) hoặc khoản mục 11 (2) là vi phạm và bị phạt tiền tới 100 đôla cho mỗi ngày người đó từ chối hoặc không tuân theo quy định đó (kể cả ngày vi phạm theo phần này và các ngày tiếp sau).

(2) Khoản mục (1) không áp dụng đối với người từ chối hoặc không trả lời câu hỏi hoặc không cung cấp thông tin chi tiết liên quan đến tín ngưỡng của người đó.

1.2- Nói sai hoặc nói dối

15. Người nào có liên quan đến:

- a. Yêu cầu đặt cho người ấy theo khoản mục 10 (2)
- b. Yêu cầu đặt cho người ấy theo khoản mục 10 (4) hoặc khoản mục 11 (1); hoặc
- c. Chỉ thị đặt cho người ấy theo khoản mục 10 (4) hoặc khoản mục 11 (2) lại có tuyên bố bằng lời nói hoặc bằng văn bản, hoặc cung cấp tài liệu chứa đựng thông tin sai trái hoặc dối trá sẽ bị phạt 1000 đôla.

1.3- Bảo mật:

19. (1) Người nào dù là thống kê trưởng hoặc một quan chức không được trực tiếp hoặc gián tiếp tiết lộ hoặc cung cấp thông tin nào được cung cấp theo Luật này cho bất cứ người nào khác (ngoài người đã cung cấp thông tin đó), trừ khi việc công bố đó được thực hiện:

- a. Theo 1 quyết định về công bố thông tin thống kê hoặc
- b. Theo mục đích của luật này.

(2) Người nào vi phạm khoản mục (1) hoặc không thực hiện cam kết nêu ở mục 13 (2) (c) đặt cho người đó liên quan đến thông tin mà người đó được biết theo quyết định công bố thông tin là có thể bị truy tố trước pháp luật, bị phạt tiền đến 5.000 đôla hoặc phạt giam đến 2 năm hoặc bị cả 2 mức phạt.

1.4- khởi tố các vi phạm.

19. (1) Một sự vi phạm Luật này ngoài vi phạm đối với khoản mục 19 (2) đều bị khởi tố ở cấp sơ thẩm.

(2) Dù rằng việc vi phạm thuộc khoản mục 19 (2) được Luật này quy định là một vi phạm bị khởi tố, một Tòa án với quyền phán xử sơ thẩm có thể nghe và quyết định các thủ tục tố tụng đối với vi phạm đó nếu Tòa án đó thấy rằng làm như vậy là phù hợp hơn và bên nguyên đơn cũng như bên bị đơn đều đồng ý.

(3) Trong trường hợp theo khoản (2), Tòa án sơ thẩm kết tội một người vi phạm khoản mục 19 (2) thì mức phạt mà tòa án đó có thể đặt ra là phạt tiền tới 2000 đôla hoặc phạt tù tới 12 tháng hoặc cả hai.

1.5- Vi phạm tiếp tục.

21. Trong trường hợp theo khoản mục 10 (4) hoặc khoản mục 11 (2) một hành vi hoặc sự việc bị buộc phải thực hiện trong thời gian nhất định hoặc trước một thời điểm nhất định thì nghĩa vụ thực hiện hành vi hoặc sự việc đó vẫn tiếp diễn, bất kể thời điểm đó đã hết hoặc thời gian đó đã trôi qua, cho đến khi hành vi hoặc sự việc đó được thực hiện.

1.6- Tổng hợp mức xử phạt đối với một số trường hợp vi phạm.

22. (1) Các mức phạt cho cùng một người về một số vi phạm đối với phần 14 có thể được gộp vào cùng một lời luận tội hoặc cùng một lời khiếu kiện nếu những vi phạm đó liên quan đến việc không thực hiện cùng một hành vi hoặc sự việc.

(2) Nếu một người bị kết tội đã phạm 2 hoặc nhiều lỗi thuộc khoản mục (1) là những vi phạm liên quan đến việc không thực hiện cùng một hành vi hoặc sự việc, toà án có thể đặt ra hình phạt chung cho cả hai hoặc cho tất cả các vi phạm đó, nhưng hình phạt đó không được vượt quá tổng mức phạt tối đa có thể đặt ra nếu từng vi phạm được đặt riêng một mức phạt.

IV/ Luật Thống kê MALAYSIA

III (2) Cán bộ thuộc cơ quan thống kê khi đang thực hiện nhiệm vụ tham gia hoặc có liên quan đến việc thu thập, giải thích hoặc xuất bản số liệu thống kê theo quy định của Luật này đều không được phép tiết lộ bất kể thông tin nào mà người cán bộ đó đã nắm biết.

(3) Bất kể cán bộ nào vi phạm khoản mục (2) sẽ bị phạt tù cho đến 2 năm hoặc bị phạt tiền cho tới 5000 ringgit hoặc phải chịu cả hai hình thức phạt.

VII. Người nào:

a. Không tuân theo các yêu cầu cung cấp thông tin nếu trong thông báo thuộc mục V hoặc mục VI hoặc

b. Cố ý hoặc thiếu thận trọng hoặc dẫn đến việc cung cấp thông tin sai về vấn đề mà thông báo đã quy định sẽ bị phạt tiền tới 500 ringgit và trong trường hợp còn tiếp tục tái phạm sẽ bị phạt tiền tới 500 ringgit cho mỗi ngày vi phạm.

V/ Luật TK Ca Na đa

Luật Thống kê Canada - Quy định các hành vi:

- Không khai báo hoặc khai sai;
- Thông tin sai hoặc bất hợp lý
- Từ chối tiếp cận hồ sơ điều tra;
- Tiết lộ thông tin bí mật;
- Đội danh nhân viên thống kê.

Các vi phạm và xử phạt

Không khai báo hoặc khai sai

Bất kỳ ai sau khi đã thề theo tiểu mục 6 (1) mà

(a) Rời bỏ nhiệm vụ, hoặc có chủ tâm khai báo, tuyên bố hoặc báo cáo sai sự thật về việc thực thi nhiệm vụ của mình,

(b) Trong khi thực thi nhiệm vụ của mình đã vi phạm có để nhận hoặc tìm kiếm thông tin mà người đó không được uỷ quyền để nhận, hoặc

(c) Làm trái với tiểu mục 17 (1) là phạm tội về trách nhiệm pháp lý và có thể bị xử phạt tiền tới một ngàn đô la hoặc bị phạt tù từ 6 tháng hoặc bị cả hai hình phạt.

Thông tin sai hoặc bất hợp pháp

3.1. Bất kỳ ai, không có sự bào chữa hợp pháp,

(a) từ chối hoặc sao nhãng không trả lời hoặc trả lời sai một cách bất hợp pháp bất kỳ câu hỏi nào nhằm để thu thập thông tin theo các mục đích của luật này do bất kỳ nhân viên làm việc chính thức hoặc coi như chính thức chiếu theo luật này hỏi, hoặc

(b) Từ chối hoặc sao nhãng không cung cấp bất kỳ thông tin hoặc không điền vào và không gửi lại bảng hỏi với lòng tin và sự hiểu biết tốt nhất của mình về những điều mình được hỏi theo luật này, hoặc cố ý cung cấp thông tin sai lệch hoặc có hành động lừa gạt khác.

Thì mỗi hành động từ chối hoặc sao nhãng, hoặc cố ý trả lời sai lệch hoặc lừa gạt đều coi là phạm tội về trách nhiệm pháp lý và bị phạt tiền tới năm trăm đô la hoặc bị phạt tù tới 3 tháng hoặc bị cả hai hình phạt.

Từ chối việc cho tiếp cận các hồ sơ.

3.2. Bất kỳ ai

(a) Có thẩm quyền hoặc trách nhiệm về bất kỳ hồ sơ, tài liệu đang được lưu giữ ở bất kỳ cơ quan, tổ chức hoặc tổng công ty, đơn vị kinh doanh mà ở đó có thể thu thập được các thông tin theo qui định của luật này hoặc từ đó có thể giúp cho hoàn chỉnh hoặc hiệu chỉnh thông tin, lại từ chối hoặc phớt lờ không cho người đã được trưởng thống kê uỷ quyền truy cập đến thông tin, hoặc bằng bất cứ cách gì cố tình cản trở hoặc tìm cách cản trở nhân viên trong quá trình thực thi bất kỳ nhiệm vụ gì theo luật này, đều là có tội về trách nhiệm pháp lý và có thể bị phạt tiền tới một ngàn đô la hoặc bị phạt tù tới 6 tháng hoặc bị cả 2. Thông báo để lại tại nhà.

3.3 (1) Bất kỳ bảng liệt kê hay bảng câu hỏi gì để thu thập thông tin theo luật này do điều tra viên, đại lý, nhân viên hoặc người được coi như nhân viên làm việc theo luật này, hoặc nhân viên bưu điện để lại tại nhà và yêu cầu chủ nhà hoặc nếu chủ nhà vắng mặt thì một thành viên khác trong gia đình phải điền và ký vào bảng liệt kê hay bảng câu hỏi đó cho dù người ta không ghi tên chủ nhà trên phiếu hỏi hay có gửi đích danh cho chủ nhà đó.

Thông báo để tại cơ quan

Bất kỳ bảng liệt kê hay bảng câu hỏi gì để thu thập thông tin theo luật này do điều tra viên, đại lý, nhân viên hoặc người được coi như nhân viên làm việc theo luật này, hoặc nhân viên bưu điện để lại tại cơ quan hoặc văn phòng nơi kinh doanh của bất kỳ ai, có yêu cầu điền và ký vào bảng hỏi trong khoảng thời gian qui định, thì đó là một yêu cầu đòi hỏi người đó phải điền và ký vào bảng hỏi và còn phải gửi bằng đường thư các bảng hỏi đó đến thống kê Ca Na Đa nếu như trong thông báo có yêu cầu gửi đi

Tiết lộ thông tin bí mật

3.4. Bất kỳ ai, sau khi đã thề theo tiểu mục 6 (1)

(a) mà cố ý cung cấp hoặc trực tiếp hay gián tiếp tiết lộ các thông tin mà mình nhận được trong quá trình thực thi công việc với người không có nhiệm vụ thực thi theo luật này mà có thể làm ảnh hưởng hoặc gây ảnh hưởng đến giá thị trường của các cổ phiếu, trái phiếu hoặc các chứng khoán khác hoặc bất kỳ sản phẩm hay hàng hoá nào, hoặc

(b) dùng bất kỳ thông tin nào được mô tả trong tiểu mục (a) cho mục đích quay vòng bất cứ các cổ phiếu, trái phiếu, các chứng khoán khác hoặc sản phẩm, hàng hoá, đều là phạm tội về trách nhiệm pháp lý và có thể bị phạt tiền tới năm ngàn đô la hoặc bị phạt tù tới năm năm hoặc bị cả hai

Đội danh nhân viên thống kê Ca na đa

3.5 Bất kỳ ai

(a) đội danh là nhân viên của thống kê Ca Na Đa nhằm mục đích nhận thông tin của bất kỳ ai, hoặc

(b) đại diện cho chính mình để tiến hành một điều tra dưới sự uỷ quyền của luật này mà người đó không phải là quan chức, nhân viên hay đại lý của thống kê Ca Na Đa, đều là phạm tội về trách nhiệm pháp lý và bị phạt tiền tới một ngàn đô la hoặc bị phạt tù tới 6 tháng hoặc bị cả hai.

Áp dụng các hình phạt:

3.6 Toàn bộ các hình phạt được áp đặt chiếu theo luật này thuộc về hoàng hậu với thẩm quyền của nước Ca Na Đa và tiền phạt phải được nộp cho cơ quan thu.

Giới hạn về thời kỳ

3.7 Bất kỳ sự kiện tụng nào về buộc tội vi phạm theo luật này đều có thể thụ lý vào bất kỳ thời gian nào nhưng không chậm hơn hai năm sau thời gian mà vấn đề của khiếu kiện phát sinh.

VI/ Luật thống kê Singapo.

1) Người nào:

a) Cố ý từ chối hoặc không thực hiện theo pháp luật (chứng cứ nằm ở bản thân người đó) chênh mảng không cung cấp các số liệu hoặc thông tin cụ thể được yêu cầu trong thời gian cho phép để cung cấp thông tin, hoặc không cung cấp thông tin theo biểu mẫu qui định, hoặc không xác nhận thông tin theo cách thức qui định, hoặc không gửi thông tin theo địa điểm hoặc theo cách thức đã được qui định, cho việc gửi thông tin;

b) Cố ý cung cấp hoặc dẫn đến việc cung cấp sai các số liệu hoặc thông tin cụ thể về bất kỳ lĩnh vực nào đã được nêu cụ thể trong lệnh yêu cầu cung cấp thông tin; hoặc

c) Từ chối trả lời, hoặc cố ý trả lời sai câu hỏi cần cho việc thu thập các số liệu hoặc thông tin cụ thể mà lệnh yêu cầu đòi hỏi phải cung cấp theo qui định của luật này, là mặc tội vi phạm luật và sẽ bị phạt tiền tới 1000 S\$ tiếp tục vi phạm sẽ bị phạt tiếp mỗi ngày 100 S\$ tính từ ngày vi phạm.

Khi thống kê trưởng hoặc giám đốc đơn vị nghiên cứu thống kê có chứng thư nói rằng các phiếu trả lời đó chưa được điền thông tin hoặc trả lời sai thì đó sẽ là bằng chứng đủ pháp lý về những sự việc nêu trong chứng thư đó.

Thống kê trưởng hoặc giám đốc đơn vị nghiên cứu thống kê có thể không tố giác những vi phạm nếu như người có đủ chứng cứ là đã vi phạm nộp một khoản tiền cao nhất là 200\$.

VII/ Pháp luật Thống kêThụy Điển ban hành 26.3.1988 sửa đổi 3.6.93

11. Nếu người nào đó có nghĩa vụ cung cấp thông tin theo qui định nêu trong đoạn đầu của mục 4 hoặc mục 5 không thực hiện nghĩa vụ của mình hoàn thành nhiệm vụ. Thì cơ quan có quyền sẽ yêu cầu người đó phải hoàn thành nhiệm vụ .

Người có nghĩa vụ cung cấp thông tin mà không thực hiện nghĩa vụ có thể bị buộc phải thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin và sẽ bị phạt tiền nếu không hoàn thành nghĩa vụ của mình.

12. Vấn đề định ra các mức phạt theo qui định nêu trong chương đầu của mục 11 ở trên sẽ do toà án hành chính của hạt - nơi phải thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin, xử.

13. Không được khiếu nại đối với quyết định ban hành yêu cầu hoặc lệnh chịu phạt theo qui định của luật này.

14. Người nào không thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin theo qui định trong đoạn đầu của mục 4 hoặc mục 5 hoặc cố ý hay vô ý cung cấp thông tin sai đều phải chịu phạt.

Các hành vi dẫn đến lệnh chịu phạt chưa phải là các hành vi cấu thành nên sự phạm tội có thể bị pháp luật xử phạt trong trường hợp làm trái lệnh.

Chỉ khởi tố công khai khi cơ quan yêu cầu cung cấp thông tin khởi kiện.

15. Người nào cố tình vi phạm các qui định thuộc mục 10 sẽ bị tội " xác định thông tin cá nhân bất hợp pháp " và sẽ bị phạt tiền hoặc phạt tù cho tới 1 năm. Nếu như hành vi đó không cấu thành sự phạm tội có thể bị trừng phạt theo luật hình sự hoặc luật bảo vệ số liệu (1973; 289).

VIII/ Luật thống kê Lào

Điều 10 quy định các hành vi:

- Cố ý cung cấp báo cáo sai sự thật;
- Không nộp báo cáo theo lịch thời gian biểu;
- Không thực hiện các nghĩa vụ thuộc Điều 3 và khi cần thuộc Điều 4 (doanh nghiệp và công dân trong việc cung cấp thông tin);
- Tiết lộ hoặc để lộ thông tin;
- Phát hành, công bố hoặc sử dụng thông tin vi phạm Điều 8 (Bí mật) ...
Điều 10

Bất kể người nào không thi hành hoặc không tuân theo chế độ thống kê trong các trường hợp sau sẽ bị triệu hồi theo chế độ qui định của Chính phủ hoặc trong trường hợp nghiêm trọng sẽ bị xử phạt theo luật xử phạt;

- 1) Cố ý cung cấp báo cáo sai sự thật;
- 2) Không nộp báo cáo theo lịch thời gian biểu;
- 3) Không thực hiện các nghĩa vụ thuộc điều 3 và, khi cần, thuộc điều 4;
- 4) Tiết lộ hoặc để lộ thông tin vi phạm điều 6 nêu trên;
- 5) Phát hành, công bố hoặc sử dụng thông tin vi phạm điều 8 nêu trên.

IX/ Luật thống kê Nga

Điều 16

Do không gửi báo cáo và các số liệu khác để tiến hành các cuộc quan sát thống kê nhà nước, bóp méo số liệu báo cáo hoặc vi phạm thời hạn gửi báo cáo, các cơ quan thống kê nhà nước có quyền qui kết trách nhiệm hành chính đối với cán bộ lãnh đạo và những người có chức vụ khác đã ký vào báo cáo dưới hình thức nhắc nhở hoặc phạt theo luật qui định với mức từ 3 lần đến 8 lần mức

lương tháng tối thiểu, còn đối với trường hợp các hành động đó lặp lại trong năm sau khi đã bị phạt hành chính rồi, thì mức phạt theo luật qui định từ 8 đến 10 lần mức lương tháng tối thiểu.

Chủ tịch Ủy ban thống kê Nhà nước liên bang Nga và các phó chủ tịch, cán bộ lãnh đạo và phó của các cơ quan thống kê các nước cộng hoà (các nước cộng hoà trong thành phần Liên bang Nga), tỉnh tự trị, liên khu tự trị, khu, tỉnh, các thành phố Mát xcova và Sanh petecbua, các cục và phòng thống kê huyện và thành phố sẽ xem xét những vụ việc vi phạm luật hành chính đã nêu trong đoạn 1 của điều 16.

Việc khiếu nại về các quyết định của các cơ quan thống kê nhà nước đối với việc phạt hành chính phải dựa theo luật vi phạm hành chính của liên bang và của các nước cộng hoà trong thành phần liên bang.

Các xí nghiệp, cơ quan, tổ chức và công ty phải bồi thường theo chế độ qui định cho các cơ quan thống kê về những chi phí phát sinh do phải sửa chữa kết quả của báo cáo tổng hợp là do gửi số liệu bị bóp méo hoặc vi phạm thời hạn gửi báo cáo.

Để bù đắp chi phí liên quan đến công việc nói trên, cơ quan thống kê tương ứng được trích 30% số tiền phạt hành chính vào tài khoản thanh toán của mình.

X/ Luật Thống kê nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa

Điều 26 quy định:

Cán bộ lãnh đạo địa phương, bộ, ngành, đơn vị tự tiện sửa đổi tư liệu thống kê, bịa đặt số liệu, đồng tình với cơ quan thống kê, cán bộ thống kê sửa đổi tư liệu thống kê hoặc bịa đặt số liệu phải bị xử lý hành chính theo luật, đồng thời bị cơ quan thống kê thuộc chính quyền nhân dân trên cấp huyện thông báo phê bình.

Cán bộ lãnh đạo địa phương, bộ ngành, đơn vị trù dập, báo thù đối với cán bộ thống kê đã từ chối, chống lại việc sửa đổi làm sai tư liệu thống kê hoặc có hành vi từ chối, chống lại việc bịa đặt số liệu thống kê, phải bị xử lý hành chính theo luật, nếu cấu thành tội phạm, phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo luật định.

Cán bộ thống kê tham gia vào việc sửa đổi làm sai tư liệu thống kê, bịa đặt số liệu thống kê, phải bị cơ quan thống kê thuộc chính quyền nhân dân trên cấp huyện thông báo phê bình, bị xử lý hành chính theo luật định hoặc kiến nghị bộ, ngành có liên quan xử lý hành chính theo luật định.

Điều 27 quy định:

Đối tượng điều tra thống kê có một trong các hành vi vi phạm pháp luật kể dưới đây, sẽ bị cơ quan thống kê thuộc chính quyền nhân dân trên cấp huyện ra lệnh cải chính, thông báo phê bình; nếu vi phạm nghiêm trọng có thể bị cán bộ chủ chốt có trách nhiệm trực tiếp hoặc bị cán bộ phụ trách trực tiếp khác xử lý hành chính:

- Báo cáo sai, dấu không báo cáo tư liệu thống kê;
- Bịa đặt, sửa đổi làm sai tư liệu thống kê.
- Không báo cáo hoặc vài lần chậm báo cáo tư liệu thống kê

Tổ chức sự nghiệp, xí nghiệp, hộ công thương cá thể có một trong các hành vi vi phạm pháp luật kể trên, sẽ bị cơ quan thống kê thuộc chính quyền nhân dân trên cấp huyện cảnh cáo, đồng thời có thể bị cơ quan có thẩm quyền phạt tiền.

XI/ Luật Thống kê Pháp: Luật số 51-711 ngày 7/6 1951

Tại Điều 7 của Luật đã được sửa đổi bằng Nghị định số 59-L 350 ngày 16/11/1959 và Nghị định số 84-628 ngày 17/7/1984 quy định như sau:

Trường hợp không trả lời sau khi đã có thông báo chính thức trong thời hạn nêu trong thông báo, hoặc trường hợp trả lời sai thì các thể pháp nhân sẽ phải chịu phạt hành chính theo quy định của Bộ trưởng có thẩm quyền giám sát viện INSEE theo đề nghị của Ban thống kê quốc gia.

Mức phạt lần đầu do một thể pháp nhân gây ra sẽ không vượt quá 10.000 franc. Trường hợp tái phạm trong thời gian 3 năm số tiền phạt sẽ tăng lên tối thiểu là 20.000 F và tối đa là 100.000 F cho mỗi lần vi phạm. Đối với các công ty có trên 100 lao động được trả lương, trường hợp 1 lần tái phạm trong thời gian 3 năm mức phạt sẽ là tối thiểu 200 F đến tối đa 1000 F cho mỗi nhân công, nhưng tổng mức tiền phạt không vượt quá 200.000 F.

Tuy nhiên, mọi trường hợp không trả lời sau khi đã có thông báo chính thức và trong thời hạn nêu trong thông báo và mọi trường hợp trả lời không đúng những câu hỏi liên quan đến đời sống của cá nhân, gia đình đều bị phạt tiền từ 100 đến 600 F, trong trường hợp tái phạm bị phạt từ 200 đến 12.000 F.

XII/ Luật Thống kê Nhật Bản

Ban hành số 18 ngày 26/3/1947, sửa đổi lần cuối số 23 năm 1991

Điều 19 nếu bất cứ người nào:

1. Được yêu cầu trả lời ghi ở Điều 5, từ chối trả lời hoặc trả lời sai
2. Cản trở trả lời như đã yêu cầu ghi ở Điều 5

3. Từ chối, bỏ quên đệ trình các tài liệu yêu cầu, đệ trình các tài liệu sai, làm cho tình huống không đúng khi trả lời các câu hỏi yêu cầu ghi ở Điều 13.

4. Là người làm trong hoạt động của các cuộc điều tra thống kê hoặc tham gia vào các hoạt động tạo ra kết quả của các cuộc điều tra thống kê lựa chọn không trung thực.

Người này sẽ bị phạt tù không quá 6 tháng hoặc phạt tiền không quá 100.000 yên.

Điều 19.2

- Nếu bất kỳ nhân viên thống kê Trung ương, nhân viên thống kê địa phương hoặc người khác làm trong hoạt động của các cuộc điều tra thống kê lựa chọn, hoặc người kê khai hoặc người trước đây trong các dịch vụ nói trên, không có thẩm quyền theo luật xuất bản, truyền thông hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào về các bí mật của một cá nhân, một người hợp pháp hoặc tổ chức khác có được hiểu biết trong việc thực hiện nhiệm vụ sẽ bị phạt khổ sai không qua 1 năm hoặc tiền phạt không quá 100.000 yên.

2. Nếu bất kỳ người nào chú ý ở đoạn trên xuất bản hoặc truyền thông kết quả của các cuộc điều tra thống kê không có sự chấp nhận của Tổng giám đốc cơ quan quản lý và điều phối trước ngày ấn định xuất bản theo các điều khoản của Điều 7 sẽ bị phạt số tiền phạt không qua 100.000 yên.

3. Nếu bất kỳ quan chức công chúng hoặc cựu công chức công chúng nào khác những người đã nói trong đoạn thứ nhất, tiết lộ thông tin như đã ghi trong 2 đoạn trước trong khi thực hiện nhiệm vụ sẽ bị phạt tương tự như đã ghi trong các đoạn này.

XIII/ Luật Thống kê indonexia

Điều 9 quy định các hành vi nghiêm cấm:

- Phá hoại, gây rối cản trở điều tra;
- Dấu phiếu điều tra, tẩy xóa những số liệu;
- Xúi dục và gây cản trở cho điều tra viên;

PHẦN THỨ HAI

XÁC ĐỊNH HÀNH VI, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỐNG KÊ, THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, GIÁM SÁT, KIỂM TRA

A/ MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG KHI XÁC ĐỊNH HÀNH VI, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỐNG KÊ

I/ Căn cứ xác định hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê:

- 1.** Bổ sung những hành vi mới theo quy định của Luật thống kê, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính mới.
- 2.** Kế thừa quy định của Nghị định 93, Thông tư của Tổng cục Thống kê đối với những hành vi đã có từ khi xây dựng Nghị định 93.
- 3.** Không quy định hành vi ban hành quyết định điều tra, báo cáo thống kê, phân loại thống kê.

Việc vi phạm về ban hành chế độ báo cáo thống kê đối với những người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Nghị định 135/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật sẽ không thuộc đối tượng nghiên cứu trong đề tài này, bao gồm:

Điều 1 của Nghị định 135/2003/NĐ-CP quy định “Nghị định này quy định về kiểm tra và xử lý các văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là văn bản) do các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, UBND các cấp ban hành, văn bản liên tịch giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị – xã hội”.

4. Tên các hành vi vi phạm, hình thức và mức phạt thống nhất cách viết: Vi phạm các quy định về

5. Vi phạm về thời hạn báo cáo thống kê không tách thành 2 hành vi chậm báo cáo và không báo cáo

Nhập vào 1 loại hành vi vi phạm về chậm báo cáo thống kê (chậm so với cận trên của thời hạn quy định chậm - Tức là đến thời điểm phát hiện hành vi vi phạm mà báo cáo nộp chậm so với cận trên của thời hạn quy định chậm về nộp chậm và đến thời điểm đó cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa nhận được báo cáo.

6. Các nội dung được trích từ Pháp lệnh, Nghị định 134: không cần viết cụ thể mà viết biện dẫn: nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính, chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm pháp luật thống kê có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự...

7. Những hành vi phạt cảnh cáo cần quy định thêm “hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng” vì căn cứ tính chất, mức độ của hành vi vi phạm.

8. Hành vi vi phạm về thực hiện chế độ báo cáo thống kê rất rộng: 1 chỉ tiêu - nhiều chỉ tiêu; một biểu báo cáo - nhiều biểu báo cáo ... vì vậy cần mở rộng khung phạt tiền ra để áp dụng chung cho hành vi vi phạm từ ít đến nhiều, từ cao đến thấp.

II. Nguyên tắc xác định hành vi:

- Việc xác định hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê phải căn cứ vào các nội dung được quy định trong Luật thống kê, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, các chế độ báo cáo, chế độ điều tra thống kê và không trái với nguyên tắc chung của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002..

- Xác định hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê phải bảo đảm tính khoa học, tính khả thi; tránh được yếu tố chủ quan của người có thẩm quyền xử phạt khi áp dụng khung phạt và mức phạt cụ thể.

- Xác định hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê phải phân biệt được ranh giới rõ ràng về từng hành vi vi phạm, mối quan hệ giữa các hành vi với nhau.

- Xác định hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê đối với mỗi hoạt động thống kê cụ thể.

- Xác định hành vi vi phạm đối với đối tượng là tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện hành vi vi phạm và tổ chức, cá nhân ép buộc người khác thực hiện (gián tiếp). Việc xác định 2 hành vi trực tiếp và gián tiếp (ép buộc) để xác định 2 khung phạt khác nhau vì mức độ ảnh hưởng khác nhau.

- Việc xác định hành vi vi phạm trong lĩnh vực thống kê phải thể hiện đầy đủ, toàn diện, chi tiết mọi hoạt động thống kê bảo đảm tính pháp lý của việc xác định hành vi, hình thức và mức phạt.

- Xác định hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê không được trùng lặp giữa các hành vi...

III/ Nguyên tắc Xác định mức phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Xác định mức phạt tối thiểu và tối đa của một hành vi vi phạm

1. Phạt cảnh cáo

Theo quy định tại Điều 14 pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính như sau:

Mức phạt tiền trong vi phạm hành chính (nói chung cho tất cả các lĩnh vực) là từ 5.000 đồng đến 500.000.000 đồng.

Căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực quản lý nhà nước được quy định như sau:

+ Phạt tiền tối đa đến 20.000.000 đồng được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực: trật tự, an toàn xã hội; quản lý và bảo vệ các công trình giao thông; quản lý và bảo vệ công trình thủy lợi; lao động; đo lường và chất lượng hàng hoá; kế toán; **thống kê**; tư pháp; bảo hiểm xã hội;

2. Căn cứ vào quy định của Pháp lệnh, mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê bắt buộc phải nằm trong khoảng tối thiểu tới tối đa là: 5.000 đ đến 20.000.000 đồng.

Như vậy mức tiền phạt cao nhất cho 1 hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê là 20.000.000 đồng; Pháp lệnh quy định mức tối thiểu xử phạt vi phạm hành chính chung cho tất cả các lĩnh vực là 5.000 đồng; Tuy nhiên trong lĩnh vực thống kê, với mức này không áp dụng được như xử phạt vi cảnh, phạt về vi phạm an toàn giao thông...

Vi phạm trong lĩnh vực thống kê không phải vi phạm mang tính nhất thời của một tổ chức, cá nhân, nó là việc ghi chép tính toán, tổng hợp thông tin thống kê gắn với kết quả sản xuất kinh doanh, gắn với quá trình quản lý kinh tế, xã hội, gắn với những quyết định ban hành chế độ thống kê liên quan đến một hoặc nhiều lĩnh vực hoạt động ..., hậu quả của hành vi vi phạm trong lĩnh vực thống kê nó gắn chặt với việc xây dựng chương trình kế hoạch, chủ trương, định hướng ... phạm vi tác hại rất rộng thậm chí liên quan đến toàn xã hội.

Từ vị trí và tầm quan trọng trên đây, việc quy định mức **phạt tiền tối thiểu** đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực thống kê phải là **50.000 đồng**; dưới mức đó, áp dụng hình thức phạt cảnh cáo.

IV/ Xác định khung phạt tiền từ tối thiểu tới tối đa cho mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

- Khung phạt tiền là xác định mức phạt từ tối thiểu đến tối đa cho một hành vi vi phạm.

- Việc xác định khung phạt tiền (từ tối thiểu tới tối đa) cho mỗi hành vi theo nguyên tắc sau:

+ Đối với cùng một sai phạm nhưng:

* Hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân trực tiếp vi phạm áp dụng khung phạt nhẹ hơn.

* Hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân ép buộc người khác thực hiện sẽ áp dụng khung phạt cao hơn, thậm chí gấp đôi so với tổ chức, cá nhân trực tiếp vi phạm, vì đây là hành động dùng ảnh hưởng của mình để ép buộc cấp dưới mình vi phạm.

+ Vi phạm tác hại đến chất lượng thông tin áp dụng mức phạt cao hơn vi phạm tác hại đến số lượng:

+ Vi phạm tính kịp thời, đầy đủ áp dụng mức phạt thấp hơn hành vi vi phạm về tính chính xác và không báo cáo.

+ Vi phạm phương pháp ghi chép chứng từ, sổ sách áp dụng mức thấp hơn vi phạm phương pháp tổng hợp báo cáo

+ Khung phạt tiền cho một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê nên quy định khoảng cách giữa tối thiểu và tối đa không quá 1 đến 5 lần. Khoảng cách 1,5 đến 2 lần sẽ phù hợp với việc xác định tính chất, mức độ vi phạm gần nhau.

V/ Xác định biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thống kê

1. Điều 12 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính quy định:

. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả

Đối với mỗi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả

2. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thống kê.

Biện pháp khắc phục hậu quả được xác định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể, nhằm khắc phục, sửa chữa ngay những vi phạm để bảo đảm việc thu thập thông tin thống kê đầy đủ, có độ tin cậy ngày càng cao.

(sẽ quy định cụ thể các điều, khoản tại phần B)

B/ XÁC ĐỊNH CỤ THỂ CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỐNG KÊ, HÌNH THỨC, MỨC PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

I/ . Vi phạm các quy định về điều tra thống kê

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Cố ý trì hoãn việc thực hiện yêu cầu của điều tra viên thống kê;
- b) Nộp chậm phiếu, biểu điều tra thống kê dưới 05 ngày so với quy định của phương án điều tra thống kê.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Nộp chậm phiếu, biểu điều tra thống kê từ 05 ngày đến dưới 10 ngày so với quy định của phương án điều tra thống kê;
- b) Ghi không đủ các thông tin có phát sinh vào phiếu, biểu điều tra theo quy định của phương án điều tra thống kê;
- c) Nộp không đủ phiếu, biểu điều tra thống kê so với quy định của phương án điều tra thống kê.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Cố ý ghi sai lệch thông tin ban đầu do cá nhân, tổ chức được điều tra thống kê đã cung cấp vào phiếu điều tra;
- b) Tự ý ghi thông tin vào phiếu, biểu điều tra mà không tiến hành điều tra thực tế tại đơn vị được điều tra thống kê theo quy định của phương án điều tra thống kê;
- c) Từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu của điều tra viên theo quy định của phương án điều tra thống kê;
- d) Nộp chậm phiếu, biểu điều tra thống kê từ 10 ngày trở lên so với quy định của phương án điều tra thống kê.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Quyết định điều tra thống kê không đúng thẩm quyền;
- b) Cản trở việc điều tra thống kê;
- c) Khai man hoặc ép buộc người khác khai man thông tin trong điều tra thống kê;

d) Không gửi kết quả tổng hợp điều tra thống kê cho cơ quan thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung.

5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc huỷ bỏ quyết định điều tra thống kê đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 4.

b) Buộc điều tra bổ sung và ghi đầy đủ thông tin vào phiếu, điều điều tra đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 2.

c) Buộc ghi lại vào phiếu, biểu điều tra thông tin ban đầu của các cá nhân, tổ chức được điều tra cung cấp đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 3.

d) Buộc tiến hành điều tra đủ số đơn vị phải điều tra theo quy định và ghi thông tin trung thực vào phiếu, biểu điều tra đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản.

đ) Buộc cung cấp thông tin đúng sự thật đối với hành vi vi phạm tại điểm c khoản 3, điểm c khoản 4.

e) Buộc gửi kết quả tổng hợp điều tra thống kê cho cơ quan thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung đối với hành vi vi phạm tại điểm d khoản 4.

II/ Vi phạm các quy định về điều tra thống kê của các tổ chức, cá nhân ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước có sử dụng ngân sách nhà nước để điều tra thống kê nhưng không gửi kết quả tổng hợp điều tra cho cơ quan thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước tiến hành điều tra để thu thập những thông tin ngoài phạm vi chức năng, lĩnh vực hoạt động khi chưa được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực đó.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước lợi dụng điều tra thống kê làm phương hại đến lợi ích quốc gia mà chưa tới mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gửi kết quả tổng hợp điều tra cho cơ quan thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung đối với hành vi vi phạm tại khoản 1.

b) Buộc huỷ kết quả điều tra thống kê đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 và khoản 3.

III/ Vi phạm các quy định về sử dụng mẫu biểu báo cáo thống kê

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng mẫu biểu không đúng với mẫu biểu hiện hành do cơ quan có thẩm quyền ban hành để lập báo cáo thống kê.

2. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc hủy bỏ báo cáo do sử dụng mẫu biểu không đúng và lập lại báo cáo thống kê theo đúng mẫu biểu quy định trong chế độ báo cáo thống kê hiện hành của nhà nước đối với hành vi vi phạm tại khoản 1.

IV/ Vi phạm các quy định về thời hạn báo cáo thống kê, báo cáo tài chính

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi nộp báo cáo chậm so với chế độ quy định dưới 5 ngày đối với báo cáo thống kê tháng; dưới 10 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính quý, 6 tháng; dưới 15 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính năm.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi nộp báo cáo chậm so với chế độ quy định từ 5 ngày đến dưới 10 ngày đối với báo cáo thống kê tháng; từ 10 ngày đến dưới 15 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính quý, 6 tháng; từ 15 ngày đến dưới 20 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính năm.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi nộp báo cáo chậm so với chế độ quy định từ 10 ngày đến dưới 15 ngày đối với báo cáo thống kê tháng; từ 15 ngày đến dưới 20 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính quý, 6 tháng; từ 20 ngày đến dưới 30 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính năm.

4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi nộp báo cáo chậm so với chế độ quy định từ 20 ngày đến dưới 30 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính quý, 6 tháng; từ 30 ngày đến dưới 45 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính năm.

5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo thống kê, báo cáo tài chính theo chế độ quy định.

Hành vi không báo cáo thống kê, báo cáo tài chính là sau 15 ngày so với thời điểm chế độ quy định đối với báo cáo thống kê tháng, 30 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 45 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính năm mà cơ quan có thẩm quyền chưa nhận được báo cáo.

6. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc nộp báo cáo thống kê, báo cáo tài chính cho cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 5.

V/ Vi phạm các quy định về yêu cầu đầy đủ của báo cáo thống kê

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo thống kê không đầy đủ số lượng biểu hoặc chỉ tiêu thống kê của chế độ báo cáo thống kê tháng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo thống kê không đầy đủ số lượng biểu hoặc chỉ tiêu thống kê của chế độ báo cáo thống kê quý, 6 tháng.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo thống kê không đầy đủ số lượng biểu hoặc chỉ tiêu thống kê của chế độ báo cáo thống kê năm.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc báo cáo bổ sung những biểu, chỉ tiêu chưa báo cáo đối với hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3.

VI/ Vi phạm các quy định về nội dung, phương pháp thống kê

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện không đúng quy định về nội dung báo cáo, kỳ báo cáo, thời hạn báo cáo thống kê;

b) Thực hiện không đúng quy định về phương pháp tính chỉ tiêu trong báo cáo thống kê;

c) Thực hiện không đúng quy định về phạm vi thu thập, nguồn số liệu tổng hợp báo cáo thống kê.

2. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc báo cáo thống kê đúng chế độ quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 1.

II/ Vi phạm các quy định về yêu cầu chính xác của báo cáo thống kê

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo thống kê sai sự thật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi ép buộc người khác báo cáo thống kê sai sự thật.

3. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc lập lại báo cáo thống kê đúng sự thật đối với hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2.

VIII/ Vi phạm các quy định về khai thác cơ sở dữ liệu thống kê

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp kịp thời, đầy đủ cơ sở dữ liệu thống kê theo quy định.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi cố ý không cung cấp các điều kiện kỹ thuật để khai thác cơ sở dữ liệu thống kê.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Không cung cấp cơ sở dữ liệu thống kê theo quy định;
- b) Cố ý cản trở việc khai thác cơ sở dữ liệu thống kê.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cung cấp đầy đủ, kịp thời cơ sở dữ liệu thống kê đối với hành vi vi phạm tại khoản 1, điểm a khoản 3.

b) Buộc cung cấp các điều kiện kỹ thuật để khai thác cơ sở dữ liệu thống kê đối với hành vi vi phạm tại khoản 2.

I X/ Vi phạm các quy định về công bố thông tin thống kê

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi công bố thông tin thống kê không đúng thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi công bố những số liệu, tài liệu thống kê theo quy định chưa được phép công bố.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi công bố thông tin thống kê sai sự thật.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc đính chính lại những thông tin thống kê đã công bố sai sự thật đối với hành vi vi phạm tại khoản 3.

X/ Vi phạm các quy định về sử dụng thông tin thống kê

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi không ghi rõ nguồn gốc của thông tin thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia khi phổ biến, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các ấn phẩm.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi trích dẫn sai nguồn gốc thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi cố ý làm sai lệch các thông tin thống kê đã được cơ quan có thẩm quyền công bố khi phổ biến, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các ấn phẩm.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc đính chính nguồn gốc những thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia đã trích dẫn, phổ biến, đăng tải đối với hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3.

XI/ Vi phạm các quy định về bảo quản, lưu trữ tài liệu thống kê

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi để hư hỏng phiếu, biểu điều tra, báo cáo thống kê trong thời hạn lưu trữ theo quy định, nhưng còn khả năng khôi phục.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi để hư hỏng phiếu, biểu điều tra, báo cáo thống kê trong thời hạn lưu trữ theo quy định, nhưng không còn khả năng khôi phục.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Để thất lạc phiếu, biểu điều tra, báo cáo thống kê;
- b) Hủy bỏ phiếu, biểu điều tra, báo cáo thống kê khi chưa hết thời hạn lưu trữ theo quy định.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc khôi phục lại phiếu, biểu điều tra, báo cáo thống kê còn khả năng khôi phục đối với hành vi vi phạm tại khoản 1.

XII/ Vi phạm các quy định về bảo mật thông tin của từng cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin thống kê

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tiết lộ thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng cá nhân, tổ chức khi chưa được sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đó.

XIII/ Vi phạm các quy định về thanh tra, kiểm tra thống kê

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức có hành vi đối phó, không cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, chứng từ, sổ sách nhằm làm trì hoãn, trốn tránh yêu cầu của tổ chức Thanh tra, Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên khi đang làm nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra chấp hành pháp luật thống kê.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức thực hiện một trong những hành vi sau đây:

- a) Không chấp hành yêu cầu hợp pháp của Thanh tra chuyên ngành thống kê và các cơ quan có thẩm quyền khác;
- b) Che giấu, sửa chữa tài liệu, chứng từ, sổ sách hoặc làm thay đổi tang vật trong khi đang bị thanh tra.

C/ THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỐNG KÊ

I/ Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh, Chánh thanh tra, Thanh tra viên Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê trên phạm vi địa bàn hành chính của huyện, quận, tỉnh, thành phố.

2. Chánh thanh tra, Thanh tra viên Tổng cục Thống kê có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê trên phạm vi cả nước.

3. Trong trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

4. Thẩm quyền xử phạt của những người được quy định tại các khoản 1, 2, 3 là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính. Trong trường hợp phạt tiền, căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể để xác định thẩm quyền xử phạt theo quy định.

5. Trong trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt được xác định theo nguyên tắc sau đây:

a) Nếu hình thức, mức xử phạt được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của một người xử phạt, thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;

b) Nếu hình thức, mức xử phạt được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của một người xử phạt, thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt.

II/ Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

1. Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
3. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.

III/ Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

1. Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến mức tối đa theo quy định quy định;
3. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.

I V/ Thẩm quyền xử phạt của thanh tra viên chuyên ngành thống kê

Thanh tra viên chuyên ngành thống kê gồm thanh tra viên của Thanh tra Tổng cục Thống kê và Thanh tra Cục thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thanh tra viên chuyên ngành thống kê có quyền:

1. Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến 200.000 đồng;

3. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.

V/ Thẩm quyền xử phạt của Chánh thanh tra Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Chánh thanh tra Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:

1. Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
3. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.

V I/ Thẩm quyền xử phạt của Chánh thanh tra Tổng cục Thống kê

Chánh thanh tra Tổng cục Thống kê có quyền:

1. Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Nghị định này;
3. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.

VII/ Trách nhiệm của công dân trong việc phát hiện các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

Mọi công dân có quyền và trách nhiệm tố giác các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê với người có thẩm quyền xử phạt. Người có thẩm quyền xử phạt phải tiến hành xử phạt kịp thời theo quy định của pháp luật.

VIII/ Ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính chính trong lĩnh vực thống kê

1. Việc ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính do các chức danh quy định như trên chỉ được thực hiện đối với cấp phó trực tiếp. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện bằng văn bản và trong trường hợp cấp trưởng vắng mặt.

2. Cấp phó được cấp trưởng ủy quyền có quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền của cấp trưởng; phải chịu trách nhiệm về quyết định xử phạt vi phạm hành chính do mình thực hiện. Người được ủy quyền không được ủy quyền tiếp cho bất kỳ cá nhân nào khác.

I X/ Đóng dấu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh, Chánh Thanh tra Cục Thống kê cấp tỉnh, Chánh Thanh tra Tổng cục Thống kê được đóng dấu cơ quan của người có thẩm quyền đã xử phạt.

2. Quyết định xử phạt của Thanh tra viên chuyên ngành thống kê được đóng dấu của tổ chức Thanh tra thống kê cùng cấp vào góc trái tại phần trên

cùng của quyết định xử phạt, nơi ghi tên cơ quan xử phạt và số, ký hiệu của quyết định xử phạt.

D. THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỐNG KÊ

I/ Đình chỉ hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

Khi phát hiện hoặc nhận được báo cáo về vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, người có thẩm quyền phải kiểm tra, xác minh, ra lệnh đình chỉ ngay hành vi vi phạm và lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

II/ Lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Khi phát hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, người có thẩm quyền phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính.

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê là cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật thống kê và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

2. Việc lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được áp dụng đối với mọi trường hợp có hành vi vi phạm hành chính về thống kê, trừ trường hợp vi phạm được xác định lại từ án hình sự chuyển sang xử phạt vi phạm hành chính.

3. Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được lập 4 bản theo mẫu quy định kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002. Biên bản phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm cùng ký vào từng tờ của biên bản. Nếu người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do không ký vào biên bản.

4. Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê phải được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm một bản, người ra quyết định thanh tra (hoặc Thanh tra cùng cấp) một bản, Thanh tra cấp trên một bản, người lập biên bản một bản; nếu vụ vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì người đó phải gửi biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt.

III/ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được lập 4 bản theo mẫu quy định kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ. Căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê ra

quyết định xử phạt theo một trong hai hình thức: cảnh cáo hoặc phạt tiền và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

2. Thời hạn ra quyết định xử phạt là mười ngày, kể từ ngày lập biên bản về vi phạm hành chính; đối với vụ vi phạm hành chính có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn ra quyết định xử phạt là ba mươi ngày. Trong trường hợp xét cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền xử phạt phải báo cáo bằng văn bản với thủ trưởng trực tiếp của mình hoặc với người ra quyết định thanh tra để gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá ba mươi ngày. Quá thời hạn nói trên, người có thẩm quyền xử phạt không được ra quyết định xử phạt, trong trường hợp không ra quyết định xử phạt thì vẫn có thể áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

3. Khi quyết định xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính, người có thẩm quyền chỉ ra một quyết định xử phạt trong đó ghi cụ thể hình thức, mức phạt đối với từng hành vi vi phạm, nếu các hình thức xử phạt là phạt tiền thì cộng lại thành mức phạt chung.

4. Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định xử phạt quy định ngày có hiệu lực khác.

5. Quyết định xử phạt bằng hình thức phạt tiền được gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt một bản, cơ quan thu tiền phạt một bản, người ra quyết định xử phạt một bản, Thanh tra cấp trên một bản trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định xử phạt.

IV/ Thủ tục phạt cảnh cáo và phạt tiền vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Việc phạt cảnh cáo và phạt tiền vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê phải theo đúng quy định của pháp luật.

2. Khi phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó. Mức trung bình của khung tiền phạt được xác định bằng cách chia đôi tổng số của mức tối thiểu cộng với mức tối đa. Nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống, nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

V/ . Nơi nộp tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Cá nhân, tổ chức bị phạt tiền phải nộp tiền phạt và được nhận biên lai thu tiền phạt.

2. Tiền phạt thu được phải nộp vào ngân sách nhà nước qua tài khoản của cơ quan thu tiền phạt mở tại kho bạc nhà nước.

3. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, cá nhân, tổ chức bị xử phạt phải nộp tiền phạt tại kho bạc nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt, trừ trường hợp đã nộp tiền phạt tại chỗ quy định tại khoản 4.

4. Tại những vùng xa xôi, hẻo lánh, những vùng mà việc đi lại gặp khó khăn thì cá nhân, tổ chức bị xử phạt có thể nộp tiền phạt cho người có thẩm quyền xử phạt. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm thu tiền phạt tại chỗ và nộp vào kho bạc nhà nước trong thời hạn không quá bảy ngày, kể từ ngày thu tiền phạt.

VI/ Chuyển hồ sơ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự trong lĩnh vực thống kê

Thủ tục để chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự trong lĩnh vực thống kê được thực hiện theo Điều 62 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

VII/ Chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính và chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

Thủ tục để chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính và chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được thực hiện theo các điều 63, 64 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

VIII/ Cưỡng chế và thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được thực hiện theo quy định tại Điều 66 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

2. Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được thực hiện theo Điều 69 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

E. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, NGUYÊN TẮC, KIỂM TRA, THANH TRA

I/ Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền và thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê:

a) Vi phạm các quy định về điều tra thống kê;

- b) Vi phạm các quy định về báo cáo thống kê;
- c) Vi phạm các quy định về công bố và sử dụng thông tin thống kê;
- d) Vi phạm các quy định về lưu trữ tài liệu thống kê;
- đ) Vi phạm các quy định về thanh tra, kiểm tra thống kê.

II/ Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, cơ quan, tổ chức trong nước và nước ngoài (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều bị xử phạt theo quy định, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác.

2. Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi hành vi vi phạm hành chính do tổ chức mình gây ra. Sau khi chấp hành quyết định xử phạt, tổ chức bị xử phạt xác định cá nhân có lỗi gây ra vi phạm hành chính để xác định trách nhiệm pháp lý và nghĩa vụ tài chính của người đó theo quy định của pháp luật.

III/ Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

IV/ Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng

Khi tiến hành xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, chỉ những tình tiết sau đây được coi là tình tiết giảm nhẹ và tình tiết tăng nặng:

1. Những tình tiết giảm nhẹ:

- a) Người vi phạm hành chính đã tự nguyện khai báo, thành thật nhận lỗi, đã tự giác sửa chữa, khắc phục hậu quả;
- b) Vi phạm do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần;
- c) Vi phạm vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra;
- d) Vi phạm do trình độ bị hạn chế, chưa được tập huấn, bồi dưỡng và hướng dẫn về chế độ thống kê, được cơ quan thống kê các cấp xác nhận.

2. Những tình tiết tăng nặng:

- a) Vi phạm có tổ chức;
- b) Cố ý không báo cáo hoặc báo cáo sai sự thật liên tục nhiều kỳ. Cố ý áp dụng sai phương pháp tính chỉ tiêu thống kê, thực hiện sai các quy định của phương án điều tra thống kê, sau khi đã được nhắc nhở nhưng vẫn vi phạm;
- c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm;

d) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, hoàn cảnh thiên tai hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm;

đ) Vi phạm trong thời gian đang chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thống kê;

e) Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu hành vi vi phạm.

V/ Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê là một năm kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện; nếu quá thời hạn nói trên thì không xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

2. Đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thống kê mà bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính thì bị xử phạt hành chính; trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người đã ra quyết định đình chỉ phải gửi quyết định cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án và hồ sơ vụ vi phạm.

3. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 mà cá nhân, tổ chức lại thực hiện vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực thống kê hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1 và khoản 2; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

VI/ Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, nếu quá một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

VII/ Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê còn bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả.

VIII/ Xác định mức trung bình của khung tiền phạt

Khi phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó. Mức trung bình của khung tiền phạt được xác định bằng cách chia đôi tổng số của mức tối thiểu cộng với mức tối đa.

I X/ Giám sát, kiểm tra về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê có trách nhiệm thường xuyên giám sát, kiểm tra việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo trong xử phạt vi phạm hành chính có liên quan đến người có thẩm quyền xử phạt; xử lý người có sai phạm trong xử phạt vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của mình và thực hiện chế độ báo cáo về tình hình vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực phụ trách theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

X/ Giải quyết khiếu nại, khởi kiện về quyết định xử phạt vi phạm hành chính và tố cáo hành vi trái pháp luật của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê có quyền khiếu nại đối với người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Việc khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

Trong thời gian khiếu nại hoặc khởi kiện, cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê vẫn phải thi hành quyết định xử phạt, khi có quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật, thì thi hành theo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo bản án, quyết định của tòa án.

2. Việc tố cáo và giải quyết tố cáo về những hành vi trái pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo và các quy định của pháp luật khác.

XI/ Xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

Xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được thực hiện theo Điều 121 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

F. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ĐỀ TÀI, KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1/ Kết quả thử nghiệm đề tài:

Kết quả nghiên cứu đề tài được triển khai áp dụng trong việc xây dựng dự thảo Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê nhằm hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật được nhiều bộ, ngành, địa phương đóng góp ý kiến; cơ bản phù hợp với thực tiễn, dựa trên cơ sở lý luận, bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ với các văn bản pháp lý và có tính khả thi cao.

2/ Kết luận:

Đề tài này chỉ đề cập đến nội dung cơ bản các hành vi vi phạm, hình thức và mức phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê cũng như trách nhiệm, thẩm quyền xử lý của thanh tra viên, UBND các cấp, Tuy nhiên để đề tài thực sự đi vào cuộc sống và có thể thực hiện đòi hỏi cần phải hoàn thiện thêm và được triển khai thông qua quá trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3/ Kiến nghị:

Để đáp ứng việc thi hành pháp luật về thống kê, đưa pháp luật vào cuộc sống, phục vụ đắc lực cho công tác thống kê, ngoài việc xây dựng chế tài cũng cần phổ biến tuyên truyền, giáo dục pháp luật thường xuyên trong đó có các Nghị định kèm theo, đồng thời công tác thanh tra, kiểm tra phải tiến hành triệt để và thường xuyên song song với việc xử lý vi phạm nghiêm minh. Trong quá trình thực hiện những nội dung về hành vi vi phạm, hình thức và mức phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê cần được bổ sung và hoàn thiện để phù hợp với yêu cầu thực tiễn của công tác quản lý và sự phát triển của xã hội.

DANH SÁCH CÁC CHUYÊN ĐỀ

Chuyên đề 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn việc xử phạt vi phạm hành chính.

Chuyên đề 2: Xác định phạm vi đối tượng, nguyên tắc, thẩm quyền, thủ tục xử phạt VPHC trong lĩnh vực TK

Chuyên đề 3: Xác định hành vi VPHC, hình thức và mức xử phạt đối với những vi phạm về:

- Ban hành và thực hiện hệ thống chỉ tiêu TKQG
- Ban hành và thực hiện chương trình điều tra thống kê quốc gia
- Ban hành và thực hiện các bảng phân loại TK

Chuyên đề 4: Xác định hành vi VPHC, hình thức và mức xử phạt đối với những vi phạm các quy định trong điều tra TK gồm:

- Trong chương trình điều tra TK.
- Ngoài chương trình điều tra TK.
- Tổ chức, cá nhân ngoài tổ chức TK nhà nước.

Chuyên đề 5: Xác định hành vi VPHC, hình thức và mức xử phạt đối với những vi phạm các quy định về: chế độ báo cáo thống kê cơ sở, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp.

Chuyên đề 6: Xác định hành vi VPHC, hình thức và mức xử phạt đối với những vi phạm các quy định về:

- Quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu TK
- Công bố thông tin TK.
- Sử dụng thông tin TK và bảo mật thông tin TK

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Pháp lệnh Kế toán – Thống kê năm 1988
- Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính năm 1990
- Nghị định số 52/HĐBT/1992 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán và thống kê
- Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính năm 1995
- Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê số 93/1999/NĐ-CP
- Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002
- Luật Thống kê Việt Nam năm 2003
- Luật thống kê các nước trong khu vực và các nước

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / BB - VPHC

... , ngày tháng năm

BIÊN BẢN

VI PHẠM HÀNH CHÍNH.

TRONG LĨNH VỰC THỐNG KÊ

(Ban hành kèm theo Nghị định số ngày)

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại.....;
Chúng tôi gồm :

1. Chức vụ:

2. Chức vụ:

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê đối với :

Ông (bà)/tổ chức :

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD.....;

Cấp ngàytại

Đã có các hành vi vi phạm hành chính như sau :

Các hành vi trên đã vi phạm vào Điều..... khoản..... điểm..... của
Nghị định số..... quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực
thống kê

**Ý kiến trình bày của người vi phạm hành chính hoặc
đại diện tổ chức vi phạm hành chính.**

Người có thẩm quyền đã yêu cầu ông (bà)/tổ chức đình chỉ ngay hành vi
vi phạm.

Các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính được áp dụng gồm:

Chúng tôi tạm giữ những tang vật, phương tiện, vi phạm hành chính và
giấy tờ sau để chuyển về:..... để cấp có thẩm quyền giải quyết.

STT	Tên tang vật, phương tiện, giấy tờ bị tạm giữ	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng	Ghi chú

Ngoài những tang vật, phương tiện, giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

Biên bản được lập thành.... bản có nội dung và giá trị như nhau, và được giao cho người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm một bản, một bản gửi báo cáo người có thẩm quyền xử phạt và....

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)

Biên bản này gồm..... trang, được những người có mặt cùng ký xác nhận vào từng trang.

NGƯỜI VI PHẠM
(HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM)
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN XỬ PHẠT
VI PHẠM HÀNH CHÍNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lý do người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản:
....

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-XP HC

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

TRONG LĨNH VỰC THỐNG KÊ

(Ban hành kèm theo Nghị định số ngày)

Căn cứ Luật thống kê ngày 26 tháng 6 năm 2003

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Điều..... Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính do lập hồigiờ ngày..... tháng..... năm.....tại..... ;

Tôi, ; Chức vụ:.....;

Đơn vị..... ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

Ông (bà) / tổ chức

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....;

Địa chỉ:.....;

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD.....;

Cấp ngày tại.....;

Với các hình thức sau:

1. Hình thức xử phạt chính:

Cảnh cáo/phạt tiền với mức phạt là:..... đồng. (Viết bằng chữ:).

2. Hình thức phạt bổ sung (nếu có):

1. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề:..... .

2. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính gồm:..... .

3. Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):

Lý do:

- Đã có hành vi vi phạm hành chính:

Quy định tại điểm..... khoản..... Điều..... của Nghị định số..... ngày.....
tháng..... năm..... quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống
kê

.....

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm:

Điều 2. Ông (bà)/tổ chức.....phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định
xử phạt trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt là
ngày..... tháng..... năm..... trừ trường hợp được hoãn chấp hành hoặc
.....

Quá thời hạn này, nếu Ông (bà)/tổ chức..... cố tình không chấp hành
Quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành.

Số tiền phạt quy định tại Điều 1 phải nộp vào tài khoản số: của
Kho bạc Nhà nước..... trong vòng mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết
định xử phạt.

Ông (bà)/tổ chức có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với Quyết
định xử phạt vi phạm hành chính này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm ...
Trong thời hạn ba ngày, Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức:.....để chấp hành;
2. Kho bạc..... để thu tiền phạt;
- 3.....

Quyết định này gồm..... trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

BÁO CÁO TÓM TẮT ĐỀ TÀI CẤP CƠ SỞ

**XÁC ĐỊNH HÀNH VI, HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT
VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỐNG KÊ**

CNĐT: CN NGUYỄN THỊ LƯỢT

HÀ NỘI – 2004

MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời nói đầu</i>	2
<u>Phần thứ nhất:</u> <i>Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê là một trong những công cụ tất yếu để quản lý nhà nước</i>	3
A/ Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê - Tính tất yếu khách quan về cơ chế chính sách	3
B/ Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê - Tính tất yếu khách quan từ yêu cầu, đòi hỏi thực tế	5
C/ Tham khảo hành vi bị nghiêm cấm, hình thức và mức xử phạt của các nước trong khu vực và quốc tế	12
<u>Phần thứ hai:</u> <i>Xác định hành vi, hình thức và mức phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, thẩm quyền, thủ tục, phạm vi, đối tượng, giám sát, kiểm tra</i>	13
A/ Một số yêu cầu chung khi xác định hành vi, hình thức và mức phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê	13
B/ Xác định cụ thể các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, hình thức, mức phạt và biện pháp khắc phục hậu quả	17
C/ Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê	23
D/ Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê	26
E/ Phạm vi, đối tượng, nguyên tắc kiểm tra, thanh tra	29
F/ Quá trình thử nghiệm đề tài	32
Kết luận	32
Kiến nghị	33
<u>Danh sách các chuyên đề</u>	34
<u>Danh mục tài liệu tham khảo</u>	35

LỜI NÓI ĐẦU

Thống kê là một trong những công cụ quản lý vĩ mô quan trọng, liên quan đến toàn bộ các hoạt động Kinh tế- Xã hội của nhà nước. Pháp lệnh Kế toán và Thống kê được ban hành năm 1988, sau 15 năm thực hiện đã bộc lộ những hạn chế không đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường, đầu mối thu thập thông tin thống kê tăng gấp bội về số lượng, đa dạng về loại hình sở hữu, ngành nghề kinh doanh, hình thức và trình độ hạch toán, đòi hỏi pháp luật phải được sửa đổi. Luật Thống kê được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17/6/2003 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2004. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/2/2004 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê. Đây là những văn bản pháp lý cao nhất về lĩnh vực thống kê. Để cho Luật Thống kê đi vào cuộc sống, nâng cao tính khả thi của văn bản pháp luật ngoài việc tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn thực hiện, Chính phủ cần có chế tài bắt buộc thi hành. Nghị định của Chính phủ số 93/1999/NĐ-CP ngày 7/9/1999 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê ban hành trên cơ sở Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 1995 và Pháp lệnh Kế toán- Thống kê năm 1988, đến nay đã trên 5 năm vì vậy có nhiều điểm không còn phù hợp với Luật Thống kê mới ban hành và Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính 7/2/2002. Thực tế đòi hỏi văn bản chế tài này cần sửa đổi. Việc nghiên cứu đề tài “ Xác định hành vi, hình thức và mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê” đánh giá kết quả thực hiện nghị định 93/CP, nghiên cứu các hành vi, hình thức và mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, tạo cơ sở để xây dựng Nghị định xử phạt hành chính trong lĩnh vực thống kê mới phù hợp với Luật Thống kê, Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và phù hợp thực tế hiện nay thay thế Nghị định số 93/1999/NĐ-CP ngày 7/9/1999 của Chính phủ.

Để hoàn thành chuyên đề này chúng tôi chân thành cảm ơn sự hợp tác quý báu của các Vụ, Viện, cục Trong ngành Thống kê và toàn cán bộ công chức Thanh tra Tổng Cục thống kê .

Do thời gian có hạn, nên đề tài còn nhiều hạn chế, thiếu sót. Thanh tra Tổng cục Thống kê mong nhận được sự góp ý chân thành của các đồng chí, đồng nghiệp trong và ngoài ngành để tiếp tục hoàn thiện .

Hà nội, tháng 12 năm 2004

BAN CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

PHẦN THỨ NHẤT

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỐNG KÊ LÀ MỘT TRONG NHỮNG CÔNG CỤ TẤT YẾU ĐỂ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

A/ Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê - Tính tất yếu khách quan về cơ chế chính sách

Bảo đảm thông tin thống kê đầy đủ, chính xác, kịp thời nhằm phục vụ các cơ quan, lãnh đạo nhà nước trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác; tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về công tác thống kê.

Để nâng cao hiệu quả công tác thống kê, việc hoàn thiện môi trường pháp lý cho công tác thống kê là cốt lõi bảo đảm đầy đủ tính pháp lý, làm căn cứ cho mọi hoạt động thống kê vừa mang tính khoa học, tính thực tiễn, vừa bảo đảm tính so sánh.

Luật thống kê là kết quả của quá trình nghiên cứu lý luận, học tập kinh nghiệm thống kê tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới, quá trình tổng kết, đúc kết kinh nghiệm từ thực tiễn của hoạt động thống kê Việt Nam, từ đòi hỏi về nhu cầu thông tin thống kê nhanh, nhạy, trung thực, khách quan, chính xác, kịp thời và đầy đủ phục vụ lãnh đạo, cơ quan nhà nước các cấp trong việc quản lý kinh tế - xã hội, quản lý đất nước và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của toàn xã hội.

Luật thống kê ra đời đòi hỏi các văn bản pháp lý về thống kê cũng được ban hành đồng bộ. Cùng với Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, Nghị định về hệ thống tổ chức thống kê tập trung, các văn bản pháp luật về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê như hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, chương trình điều tra thống kê quốc gia, các chế độ báo cáo thống kê cơ sở, báo cáo thống kê tổng hợp ... Việc ban hành các văn bản pháp lý nhằm tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động thống kê - Đó là thanh tra và xử lý vi phạm cũng là yêu cầu tất yếu, khách quan trong việc quản lý đất nước và xã hội.

Luật thống kê là sự kế thừa và phát triển của Pháp lệnh kế toán – thống kê năm 1988. Cũng như Luật thống kê ngày nay, Pháp lệnh kế toán – thống kê cùng với một hệ thống văn bản pháp lý, các chế tài bảo đảm cho Pháp lệnh được thực

hiện nghiêm, trong đó ngoài các chế độ nghiệp vụ về thống kê, một văn bản có tính quyết định các biện pháp hữu hiệu để tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đó là pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Nghị định xử phạt vi phạm hành chính riêng cho lĩnh vực thống kê.

Luật thống kê thay thế các quy định về thống kê trong Pháp lệnh kế toán và thống kê năm 1988. Khác với Pháp lệnh, Luật thống kê đã quy định đầy đủ về phạm vi điều chỉnh bao gồm điều tra, báo cáo thống kê, công bố, sử dụng thông tin thống kê nhà nước và hệ thống tổ chức thống kê nhà nước.

Luật thống kê đã quy định đầy đủ cả ba đối tượng áp dụng Luật bao gồm các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp thông tin thống kê trong việc thực hiện điều tra và báo cáo thống kê; tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê nhà nước; tổ chức thống kê và người làm công tác thống kê... nhằm xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của từng tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc thực hiện pháp luật về thống kê, bảo đảm thông tin thống kê có đủ độ tin cậy làm căn cứ pháp lý, chuẩn mực trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và đáp ứng nhu cầu thông tin của các tổ chức, cá nhân, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về công tác thống kê.

Để Pháp luật thống kê đi vào cuộc sống thực sự, không thể không áp dụng công cụ kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực thi pháp luật thống kê, trong đó biện pháp uốn nắn, xử lý những sai phạm thường xảy ra trong quá trình hoạt động và quản lý kinh tế – xã hội của đất nước - Đó là xử lý vi phạm hành chính - Một trong những công cụ mạnh mẽ để thực hiện quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thống kê. Chính vì vậy, Nhà nước đã có Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính nói chung và Nghị định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê nói riêng. Vi phạm hình sự không phải lúc nào, ở đâu cũng xảy ra như quy định tại điều 176 Bộ luật hình sự "báo cáo sai về kinh tế", trong khi vi phạm hành chính đang là hiện tượng thường xuyên, cần tiến hành kiểm tra và xử lý liên tục đều khắp để kịp thời ngăn chặn.

Muốn việc chấp hành pháp luật thống kê một cách toàn diện và triệt để phải thực hiện Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính. Muốn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính phải có tổ chức Thanh tra Nhà nước chuyên ngành thống kê, phải tăng cường, củng cố và phát triển lực lượng Thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra thống kê.

Thực hiện Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính đòi hỏi nhận thức, hành động phải thống nhất, có quyết tâm cao trong ngành thống kê và sự phối hợp chặt

chẽ, thống nhất, sớm khắc phục tình trạng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược". Nhiều nơi thực hiện nghiêm túc, nhiều nơi lại thả nổi hoặc né tránh thực hiện Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính trong thống kê dẫn đến hạn chế lớn, thậm chí phản tác dụng của Nghị định hoặc gây khó khăn, phức tạp thêm cho những nơi, những cấp thực hiện nghiêm túc.

Thực hiện Nghị định xử phạt phải nghiêm túc, đầy đủ theo quy trình, từ kiểm tra, lập biên bản vi phạm, ra các quyết định và chấp hành các quyết định xử lý; bảo đảm đầy đủ tính pháp lý của việc thi hành Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính; tránh tình trạng vi phạm pháp luật trong khi thực thi pháp luật..

B/ Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

- Tính tất yếu khách quan từ yêu cầu đòi hỏi thực tế

Qua kết quả kiểm tra, thanh tra chấp hành Pháp lệnh kế toán, thống kê cho thấy 100% các đơn vị được thanh tra đều vi phạm Pháp lệnh kế toán, thống kê ở phạm vi và mức độ khác nhau, phổ biến nhất là vi phạm các khoản 1, 3, 4, 6 của điều 7 và điều 12 Pháp lệnh kế toán, thống kê; Thanh tra đã buộc phải áp dụng Nghị định xử phạt vi phạm hành chính để xử phạt đối với các đơn vị và cá nhân cố ý vi phạm nghiêm trọng.

Kết quả Thanh tra thống kê từ năm 1993 đến 2003 đã thanh tra được 2988 đơn vị, xử phạt vi phạm hành chính 942 đơn vị, trong đó phạt tiền 245 đơn vị, phạt cảnh cáo 697 đơn vị. Mặc dù việc thanh tra chấp hành chế độ thống kê nhằm mục đích nhắc nhở, uốn nắn và giúp đỡ cơ sở là chính, nhưng việc vi phạm chế độ thống kê rất nghiêm trọng nên đã phải áp dụng biện pháp xử phạt nhằm răn đe là chủ yếu mà đã có 23,6 % số đơn vị bị xử phạt (942/3988); đồng thời còn nêu được hàng ngàn kiến nghị, yêu cầu chấn chỉnh kỷ luật báo cáo thống kê. Những kiến nghị và các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra thống kê đã được các đơn vị và cá nhân vi phạm tiếp thu, chấp hành nghiêm túc.

Thực tế 10 năm qua cho thấy ý nghĩa, tác dụng rất lớn của Nghị định 52/HĐBT và Nghị định 93/1999/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

- Nâng cao hiệu lực của Pháp lệnh kế toán và thống kê, góp phần lập lại kỷ cương trên lĩnh vực thông tin kinh tế xã hội; thực hiện công bằng xã hội; đơn vị, cá nhân chấp hành chưa tốt hoặc không chấp hành pháp luật bị xử lý nghiêm minh. Từng bước khắc phục tình trạng nơi thực hiện tốt cũng như không tốt, người chấp hành cũng như người không chấp hành pháp luật.

- Góp phần nâng cao chất lượng số liệu thống kê và thông tin kinh tế - xã hội; bảo đảm thu đầy đủ, đúng thời gian các báo cáo thống kê.

Góp phần đấu tranh chống tiêu cực trong hạch toán và báo cáo thống kê. Công tác kiểm tra, thanh tra đã phát hiện nhiều trường hợp cố tình hạch toán và báo cáo thiếu doanh thu để trốn, giảm thuế.

Hoạt động kiểm tra thanh tra thực hiện pháp luật thống kê đã giúp cho việc thực hiện các chế độ thống kê đi vào nền nếp, các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng cung cấp thông tin thống kê thấy được quyền và trách nhiệm của mình trong việc phải cung cấp, báo cáo thông tin thống kê chính xác, kịp thời, đầy đủ cho Nhà nước về kết quả hoạt động, sản xuất kinh doanh của mình. Cũng qua hoạt động kiểm tra đã tuyên truyền phổ biến pháp luật thống kê, đưa pháp luật thống kê vào cuộc sống. Qua kiểm tra, thanh tra đã tăng cường mối quan hệ giữa cơ quan thống kê với tổ chức, cá nhân chấp hành pháp luật thống kê, đã hướng dẫn, uốn nắn, nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời những tồn tại, khiếm khuyết trong quá trình thực hiện các chế độ báo cáo, chế độ điều tra thống kê, đã góp phần ngày càng tăng số lượng đơn vị thực hiện chế độ báo cáo khá và tốt, giảm đơn vị yếu, kém.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thống kê đã thực hiện nghiêm chỉnh, đúng quy định về nội dung, trình tự, thủ tục của Nghị định 61/1998/NĐ-CP ngày 15/8/1998 về công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, đã có kế hoạch thanh tra doanh nghiệp ngay từ đầu năm, gửi Thanh tra nhà nước tỉnh, thành phố để cùng phối kết hợp, tránh trùng lạng chồng chéo trong kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp.

Từ năm 2002, thực hiện Chỉ thị số 22 của Thủ tướng Chính phủ về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, Ngành Thống kê không trực tiếp thanh tra doanh nghiệp theo kế hoạch thường xuyên; chỉ kiểm tra và xử phạt đối với những doanh nghiệp khi có căn cứ cho rằng vi phạm pháp luật về thống kê.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện Nghị định 93/1999/NĐ-CP còn có những nhược điểm và tồn tại:

Thanh tra chấp hành chế độ thống kê là công việc không thể thiếu được trong công tác thống kê nhằm tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành pháp luật thống kê. Trong công tác thống kê, việc tuân thủ nghiêm túc các quy định về thống kê sẽ có tác động tới chất lượng số liệu, nâng cao độ tin cậy của số liệu thống kê.

Như phần trên đã nêu, 100% số đơn vị được kiểm tra đều có vi phạm, trong đó có nhiều vi phạm nghiêm trọng các khoản 3, 4 của điều 7 Pháp lệnh kế toán,

thống kê: báo cáo sai sự thật, để ngoài sổ sách kế toán, thống kê với số lượng và trị giá tài sản, vật tư, doanh thu, ... rất lớn, nhưng việc xử phạt còn quá ít và quá nhẹ (chủ yếu là cảnh cáo; phạt tiền với mức quá thấp so với quy định tại Nghị định). Chính nhược điểm này, đã làm hạn chế hiệu lực, tác dụng của Nghị định. xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

Đã phát hiện được tình trạng vi phạm Pháp lệnh kế toán, thống kê đang diễn ra phổ biến, nhưng việc tiếp tục kiểm tra, thanh tra và xử lý, ngăn chặn ... lại không được tiến hành mạnh mẽ hơn, kiên quyết hơn. Trái lại, với những lý do khác nhau, một số nơi có chiều hướng thu hẹp phạm vi kiểm tra và xử lý theo yêu cầu của Nghị định. một số nơi né tránh việc thực hiện Nghị định đến nay chưa xử phạt vi phạm hành chính đơn vị nào mặc dù đã thanh tra phát hiện nhiều vi phạm, trong đó không ít vi phạm nghiêm trọng.

Pháp luật Nhà nước, trước hết phải thực thi nghiêm túc với các đối tượng thuộc kinh tế Nhà nước, nhưng vừa qua việc thanh tra phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính đối với các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp liên doanh giữa nhà nước với nước ngoài còn quá ít; còn một số tỉnh chưa thực hiện xử lý vi phạm đối với thành phần kinh tế này (thực chất là né tránh việc xử phạt).

Về chế độ thống kê:

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê ban hành đã quá lâu (từ năm 1972) lại không được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, không bổ sung kịp thời những chỉ tiêu mới, thiếu một số chỉ tiêu phản ánh chất lượng, hiệu quả kinh tế; thiếu chế độ báo cáo thống kê của một số lĩnh vực và loại hình kinh tế. Hệ thống chỉ tiêu và một số báo cáo thống kê đã ban hành nhưng chưa đồng bộ, chưa thống nhất và tiêu chuẩn hoá/

- Vẫn còn tình trạng biểu báo cáo thống kê dài và có yêu cầu cao so với khả năng thực hiện của cơ sở như : Một số chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu tổng hợp đòi hỏi với doanh nghiệp hay với thống kê xã phường

- Tuy Nhà nước đã ban hành chức danh thống kê ở xã phường, nhưng việc thực hiện chưa đầy đủ, chưa đúng với qui định. Nhiều địa phương vẫn chưa thực hiện đúng qui định về chế độ thống kê xã, phường

- Mặc dù đã qui định về thẩm quyền ra quyết định ban hành biểu mẫu báo cáo thống kê nhưng vẫn còn có Ngành qui định cho cơ sở thuộc quyền báo cáo thống kê những loại biểu không thống nhất, có chỉ tiêu mâu thuẫn với biểu báo do ngành thống kê đang sử dụng hiện hành.

- Do pháp luật (Hiến pháp, Luật tổ chức Chính phủ ...) của nhà nước có những thay đổi, việc xác định thẩm quyền ban hành các văn bản pháp quy về thống kê chưa rõ ràng cũng có phần ảnh hưởng đến công tác thống kê.

Ưu, khuyết điểm tồn tại và nguyên nhân trong việc chấp hành chế độ báo cáo thống kê

Theo báo cáo của các địa phương, tình hình chấp hành chế độ báo cáo thống kê trong thời gian qua ở các loại hình đơn vị doanh nghiệp ngày càng có xu hướng tốt hơn: Tỷ lệ đơn vị chấp hành báo cáo các loại khá tăng lên, loại yếu kém giảm dần. Trong một số ngành tỷ lệ số đơn vị thực hiện chế độ báo cáo thống kê cũng tăng so với các năm trước như ngành công nghiệp, ngành thương mại, ngành xây dựng ...

Sự chuyển biến về công tác báo cáo có dấu hiệu đáng mừng, củng cố uy tín của ngành, có tác dụng nâng cao hơn nữa vai trò quản lý Nhà nước bằng pháp luật đối với ngành thống kê.

Tuy nhiên tình hình chấp hành chế độ báo cáo thống kê thời gian qua cũng còn những mặt yếu kém, tồn tại cần phải khắc phục sửa chữa

- Tỷ lệ đơn vị chấp hành chế độ báo cáo khá và tốt tăng nhưng trong các thành phần kinh tế, tỷ lệ này không đồng đều làm cho số liệu thiếu đồng bộ, không đầy đủ và ít phát huy tác dụng.

- Tỷ lệ đơn vị yếu kém và chưa chấp hành chế độ báo cáo vẫn còn cao

(48,2%) tập trung chủ yếu ở các ngành thương mại 3976 đơn vị, công nghiệp 2463 đơn vị và ngành xây dựng 1188 đơn vị.

- Tỷ lệ đơn vị đã chấp hành chế độ báo cáo thuộc loại khá tăng lên

(25,6% năm 1996 lên 30,2% năm 2000) loại yếu kém giảm (từ 53,3 % năm 1996 xuống 48,2 % năm 2000) nhưng nhìn chung số lượng báo cáo, chỉ tiêu báo cáo chưa đầy đủ, chất lượng chỉ tiêu báo cáo còn nhiều hạn chế.

- Việc sắp xếp cán bộ làm công tác thống kê chưa đảm bảo tính thống nhất, nhiều nơi cán bộ thống kê vẫn kiêm nhiệm, phụ thuộc vào phòng kế toán tài vụ, số liệu báo cáo thống kê thiếu sự kiểm tra, kiểm soát dẫn đến báo cáo thống kê chưa thể hiện khách quan, đầy đủ, độ tin cậy còn hạn chế nhiều.

Những năm gần đây ngành thống kê đã có nhiều cải tiến trong việc xây dựng chế độ báo cáo cho các đơn vị thuộc các ngành và lĩnh vực khác nhau. Song chưa phù hợp, thiếu thực tế đó là các đơn vị kinh doanh nhiều ngành nghề, nhiều lĩnh vực thì không thể thực hiện tất cả chế độ báo cáo như qui định.

- Công tác kiểm tra, kiểm soát tuy đã đạt được những thành tích nhất định nhưng còn những hạn chế do chưa tiến hành đều khắp, thường xuyên liên tục. Trong thanh tra, kiểm tra còn né tránh hoặc nường nhẹ với sai sót, khuyết điểm mà cơ sở mắc phải, xử lý sai phạm về hành vi vi phạm chế độ thống kê có những trường hợp chưa đúng với lỗi đã mắc

Báo cáo điều tra thống kê cần được nhận thức đầy đủ hơn với đặc điểm nền kinh tế đang tiến từng bước tới kinh tế thị trường, nhiều thành phần vừa phục vụ cho vĩ mô và vi mô.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:

Chưa ổn định đội ngũ cán bộ thống kê, đội ngũ cán bộ thống kê (dù kiêm nhiệm hay chuyên trách) thực hiện chế độ báo cáo thống kê ở cơ sở không được đào tạo kỹ và luôn luôn bị thay đổi.

Đối với ngành Thống kê: Công tác nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu, thiết kế và ban hành các chế độ báo cáo và điều tra thống kê một số lĩnh vực chuyển biến chậm, không theo kịp với phương hướng đổi mới của Ngành Thống kê đã đề ra. Tuy đã cải tiến nhiều lần các chế độ báo cáo thống kê, nhiều chế độ báo cáo được thay bằng điều tra, nhưng nhìn chung cả hai hình thức thu thập là báo cáo thống kê và điều tra vẫn còn có nội dung chồng chéo.

Lãnh đạo và cán bộ thống kê các cấp chưa thực sự chủ động trong việc hướng dẫn, kiểm tra, giúp đỡ cấp dưới, nhất là đối với cơ sở thực hiện chế độ thống kê của Nhà nước. Một trong những biểu hiện đó là ở nhiều địa phương chưa làm tốt công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm chế độ báo cáo và điều tra thống kê. Mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong việc tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê của Nhà nước chưa tốt như các cơ quan chủ quản của doanh nghiệp, cơ quan tài chính, thanh tra, thuế, cơ quan tuyên truyền và thông tin đại chúng. Trình độ quản lý và chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ thống kê các cấp, các ngành còn nhiều hạn chế; số lượng thì vừa thiếu lại vừa thừa như tình trạng chung hiện nay.

Hệ thống tổ chức thống kê bộ, ngành, thống kê doanh nghiệp, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp, v.v... những năm qua bị lu mờ, tổ chức và người làm công tác thống kê rất thiếu nếu không nói là không có lại rất yếu.

Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật không đồng bộ, đồng thời, nhiều văn bản hướng dẫn (Nghị định, thông tư ...) cho một văn bản luật (Luật, Pháp lệnh) đã nhiều lần ban hành quá chậm (sau hàng 2 đến 4 năm).

Đối với các cấp, các ngành, các đơn vị cơ sở: Nhận thức không đầy đủ, thậm chí lệch lạc về dân chủ và tự chủ trong sản xuất kinh doanh, trong hạch toán nên nhiều đơn vị cơ sở đã tùy tiện trong việc tổ chức ghi chép ban đầu, trong nghĩa vụ báo cáo thống kê; thậm chí xem thường và không chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê của Nhà nước. ý thức và trình độ nhận thức về Pháp luật Thống kê của một số đơn vị cơ sở yếu kém. Chưa hiểu đúng về quyền và trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin thống kê trong điều tra và báo cáo thống kê, chưa yên tâm khi cung cấp thông tin khi chưa hiểu thông tin mà họ cung cấp chỉ được sử dụng cho mục đích thống kê, không sử dụng thông tin do họ cung cấp để tính, thu thuế hoặc cho mục đích khác; nên nhiều thông tin do họ cung cấp thiếu chính xác, trung thực, đầy đủ và kịp thời.

Việc thực hiện chế độ báo cáo và điều tra thống kê nhìn chung chưa nghiêm túc và còn vi phạm. Các vi phạm chủ yếu tập trung ở các dạng: báo cáo không đủ chỉ tiêu, không đúng thời hạn quy định; nghiêm trọng hơn là không báo cáo và cố tình báo cáo sai thực tế. Đặc biệt nghiêm trọng là một số nơi, cán bộ Lãnh đạo đã can thiệp sâu vào tính khách quan của thống kê, đã gò ép cấp dưới báo cáo cao về một số chỉ tiêu không đúng sự thật ...

Các biên bản vi phạm hành chính về thống kê chưa được lập một cách đầy đủ, thiếu nhiều chứng cứ cụ thể. Biên bản kiểm tra, thanh tra là văn bản phải mang tính pháp lý cao, nhưng không bảo đảm thủ tục pháp lý theo quy định. Tính chất, mức độ của hành vi vi phạm ghi trong biên bản mâu thuẫn với lý do ghi trong quyết định xử phạt (thường trong biên bản vi phạm ghi nặng hơn nhiều so với ghi trong quyết định xử phạt). Những khiếm khuyết của biên bản cùng với những kiến nghị chung chung gây khó khăn cho việc đối chiếu, áp dụng các điều khoản của Nghị định xử phạt.

Ngoài những tồn tại, nhược điểm chủ quan nêu trên, bản thân Nghị định 93/1999/NĐ-CP qua thực tế đã bộc lộ một số nhược điểm:

Nghị định 93/1999/NĐ-CP tuy đã được hoàn thiện, nhưng từ đó đến nay đã quá nhiều thay đổi về cơ chế, chính sách, về luật pháp, về quản lý kinh tế – xã hội, về yêu cầu thông tin thống kê đòi hỏi công tác thống kê phải bắt kịp. Như vậy Nghị định 93/1999/NĐ-CP còn thiếu nhiều nội dung, nhất là từ khi Luật thống kê được ban hành; Theo quy định của Luật thống kê thì Nghị định 93 đã quy định không hết và không rõ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, các hoạt động thống kê

Về phạm vi điều chỉnh của Nghị định 93 chưa bao quát hết mọi hoạt động thống kê. Về đối tượng áp dụng chưa xác định đầy đủ 3 đối tượng cung cấp thông

tin thống kê, sử dụng thông tin thống kê, tổ chức thống kê và người làm công tác thống kê...;

Nghị định 93/1999/NĐ-CP đã gom nhiều hành vi vi phạm vào một khung phạt, vì vậy, để có thể thực hiện được Nghị định 93, phải kèm theo thông tư hướng dẫn Nghị định, để quy định từng hành vi vi phạm, khung tiền phạt và mức phạt đối với từng hành vi vi phạm trong lĩnh vực thống kê.

Xác định các hoạt động thống kê ở thời điểm Nghị định ban hành - khi đó chế độ báo cáo thống kê còn áp dụng trên phạm vi rộng, ngoài doanh nghiệp nhà nước, vốn đầu tư nước ngoài còn tất cả các doanh nghiệp ngoài quốc doanh thuộc tất cả các ngành, các thành phần kinh tế.

Đến nay, thu thập thông tin bằng hình thức điều tra thống kê là cơ bản, báo cáo thống kê chủ yếu chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp nhà nước, vốn đầu tư nước ngoài; Hoạt động thống kê chưa đưa vào quy chế điều hành, điều phối cấp vĩ mô toàn quốc; còn tình trạng “mạnh ai nấy chạy” nên ở thời điểm ấy Nghị định 93/1999/NĐ-CP mới dừng ở một số hành vi chưa chi tiết, cụ thể nên xác định hành vi vi phạm chưa đầy đủ, mới quy định được về sử dụng mẫu biểu thống kê, vi phạm việc ban hành, sửa đổi, bổ sung chế độ thống kê, báo cáo sai và khai man số liệu thống kê, nộp báo cáo thống kê không kịp thời, đầy đủ, vi phạm phương pháp thống kê, vi phạm chế độ bảo quản số liệu, tài liệu thống kê, Còn thiếu rất nhiều hành vi vi phạm, như:

- Vi phạm quy định về điều tra thống kê
- Vi phạm quy định về báo cáo thống kê tổng hợp
- Vi phạm quy định về sử dụng thông tin thống kê
- Vi phạm quy định về công bố thông tin thống kê
- Vi phạm quy định về quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thống kê
- Vi phạm quy định về điều tra thống kê của các tổ chức, cá nhân ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước
- Vi phạm các quy định về thanh tra, kiểm tra thống kê.

Từ mức phạt tối thiểu đến mức tối đa của một khung phạt tiền quá rộng; khi áp dụng dễ tùy tiện tăng nặng hoặc giảm nhẹ theo chủ quan của người xử phạt.

Nghị định chỉ quy định thẩm quyền và mức xử phạt cho hai cơ quan: UBND các cấp và Thanh tra ngành thống kê theo mức của Pháp lệnh năm 1995; Đến thời điểm tổng kết này, Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính mới năm 2002 đã nâng mức phạt tối đa lên 500 triệu đồng (cũ 100.000.000. đồng); chánh thanh tra chuyên

ngành cấp sở lên 20 triệu đồng (cũ 10 triệu đồng), của chủ tịch UBND cấp huyện lên 20 triệu đồng (cũ 10 triệu đồng), cấp tỉnh phạt tiền tối đa đối với các lĩnh vực (cũ là 100 triệu đồng)... Song chưa có Nghị định mới quy định việc xử phạt cho lĩnh vực thống kê theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Luật thống kê mới ban hành.

C / Tham khảo hành vi bị nghiêm cấm, hình thức, mức xử phạt của các nước trong khu vực và quốc tế

Luật thống kê các nước đã quy định về các hành vi bị nghiêm cấm, hình thức, mức xử phạt:

Luật thống kê các nước đã quy định hành vi vi phạm, hình thức và mức phạt cụ thể. Hình phạt đều áp dụng phạt tiền và phạt tù. Có nước dùng cả hình thức nhắc nhở, phê bình, buộc phải cung cấp thông tin hoặc phải bồi thường thiệt hại cho cơ quan thống kê khi phải sửa và tổng hợp lại số liệu (Liên bang Nga), Trung Quốc còn ghi "Buộc thu hồi tiền thưởng, tước bỏ danh hiệu vinh dự, huỷ bỏ chức vụ đề bạt do hành vi báo cáo lừa dối để được khen thưởng, đề bạt ..." là một trong số nước có hình phạt nghiêm khắc nhất. Malaysia quy định "Ủy ban thống kê trong khi đang thi hành nhiệm vụ mà tiết lộ bất kể thông tin nào đã nắm bắt được thì mức phạt tù tới 2 năm, hoặc phạt tiền tới 5.000 Ringit hoặc chịu cả hai hình phạt ..."

I. Luật thống kê Việt Nam: (Số 13/2003/L/CTN ngày 26 tháng 6 năm 2003)

II/ Luật Thống kê công cộng Ba Lan

III/ Luật Tổng điều tra và thống kê của Liên Bang Úc

(1905, tái bản 31/12/ 1989)

IV/ Luật Thống kê MALAYSIA

V/ Luật TK Ca Na đa

VI/ Luật thống kê Singapo.

VII/ Pháp luật Thống kêThụy Điển ban hành 26.3.1988

sửa đổi 3.6.93

VIII/ Luật thống kê Lào

IX/ Luật thống kê Nga

X/ Luật Thống kê nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa

XI/ Luật Thống kê Pháp: Luật số 51-711 ngày 7/6 1951

XII/ Luật Thống kê Nhật Bản

XIII/ Luật Thống kê indonexia

XIII/ Luật Thống kê trung Quốc .v.v...

PHẦN THỨ HAI

XÁC ĐỊNH HÀNH VI, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỐNG KÊ, THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, GIÁM SÁT, KIỂM TRA

A/ MỘT SỐ YÊU CẦU CHUNG KHI XÁC ĐỊNH HÀNH VI, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỐNG KÊ

I/ Căn cứ xác định hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê:

1. Bổ sung những hành vi mới theo quy định của Luật thống kê, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính mới.

2. Kế thừa quy định của Nghị định 93, Thông tư của Tổng cục Thống kê đối với những hành vi đã có từ khi xây dựng Nghị định 93.

3. Không quy định hành vi ban hành quyết định điều tra, báo cáo thống kê, phân loại thống kê.

Việc vi phạm về ban hành chế độ báo cáo thống kê đối với những người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Nghị định 135/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật sẽ không thuộc đối tượng nghiên cứu trong đề tài này, bao gồm:

Điều 1 của Nghị định 135/2003/NĐ-CP quy định “Nghị định này quy định về kiểm tra và xử lý các văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là văn bản) do các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, UBND các cấp ban hành, văn bản liên tịch giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị – xã hội”.

4. Tên các hành vi vi phạm, hình thức và mức phạt thống nhất cách viết: Vi phạm các quy định về

5. Vi phạm về thời hạn báo cáo thống kê không tách thành 2 hành vi chậm báo cáo và không báo cáo

Nhập vào 1 loại hành vi vi phạm về chậm báo cáo thống kê (chậm so với cận trên của thời hạn quy định chậm - Tức là đến thời điểm phát hiện hành vi vi phạm mà báo cáo nộp chậm so với cận trên của thời hạn quy định chậm về nộp chậm và đến thời điểm đó cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa nhận được báo cáo.

6. Các nội dung được trích từ Pháp lệnh, Nghị định 134: không cần viết cụ thể mà viết biện dẫn: nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính, chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm pháp luật thống kê có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự...

7. Những hành vi phạt cảnh cáo cần quy định thêm “hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng” vì căn cứ tính chất, mức độ của hành vi vi phạm.

8. Hành vi vi phạm về thực hiện chế độ báo cáo thống kê rất rộng: 1 chỉ tiêu - nhiều chỉ tiêu; một biểu báo cáo - nhiều biểu báo cáo ... vì vậy cần mở rộng khung phạt tiền ra để áp dụng chung cho hành vi vi phạm từ ít đến nhiều, từ cao đến thấp.

II. Nguyên tắc xác định hành vi:

- Việc xác định hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê phải căn cứ vào các nội dung được quy định trong Luật thống kê, Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, các chế độ báo cáo, chế độ điều tra thống kê và không trái với nguyên tắc chung của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002..

- Xác định hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê phải bảo đảm tính khoa học, tính khả thi; tránh được yếu tố chủ quan của người có thẩm quyền xử phạt khi áp dụng khung phạt và mức phạt cụ thể.

- Xác định hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê phải phân biệt được ranh giới rõ ràng về từng hành vi vi phạm, mối quan hệ giữa các hành vi với nhau.

- Xác định hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê đối với mỗi hoạt động thống kê cụ thể.

- Xác định hành vi vi phạm đối với đối tượng là tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện hành vi vi phạm và tổ chức, cá nhân ép buộc người khác thực hiện (gián tiếp). Việc xác định 2 hành vi trực tiếp và gián tiếp (ép buộc) để xác định 2 khung phạt khác nhau vì mức độ ảnh hưởng khác nhau.

- Việc xác định hành vi vi phạm trong lĩnh vực thống kê phải thể hiện đầy đủ, toàn diện, chi tiết mọi hoạt động thống kê bảo đảm tính pháp lý của việc xác định hành vi, hình thức và mức phạt.

- Xác định hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê không được trùng lặp giữa các hành vi...

III/ Nguyên tắc Xác định mức phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Xác định mức phạt tối thiểu và tối đa của một hành vi vi phạm

1. Phạt cảnh cáo

Theo quy định tại Điều 14 pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính như sau:

Mức phạt tiền trong vi phạm hành chính (nói chung cho tất cả các lĩnh vực) là từ 5.000 đồng đến 500.000.000 đồng.

Căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực quản lý nhà nước được quy định như sau:

+ Phạt tiền tối đa đến 20.000.000 đồng được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực: trật tự, an toàn xã hội; quản lý và bảo vệ các công trình giao thông; quản lý và bảo vệ công trình thủy lợi; lao động; đo lường và chất lượng hàng hoá; kế toán; **thống kê**; tư pháp; bảo hiểm xã hội;

2. Căn cứ vào quy định của Pháp lệnh, mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê bắt buộc phải nằm trong khoảng tối thiểu tới tối đa là: 5.000 đ đến 20.000.000 đồng.

Như vậy mức tiền phạt cao nhất cho 1 hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê là 20.000.000 đồng; Pháp lệnh quy định mức tối thiểu xử phạt vi phạm hành chính chung cho tất cả các lĩnh vực là 5.000 đồng; Tuy nhiên trong lĩnh vực thống kê, với mức này không áp dụng được như xử phạt vi cảnh, phạt về vi phạm an toàn giao thông...

Vi phạm trong lĩnh vực thống kê không phải vi phạm mang tính nhất thời của một tổ chức, cá nhân, nó là việc ghi chép tính toán, tổng hợp thông tin thống kê gắn với kết quả sản xuất kinh doanh, gắn với quá trình quản lý kinh tế, xã hội, gắn với những quyết định ban hành chế độ thống kê liên quan đến một hoặc nhiều lĩnh vực hoạt động ..., hậu quả của hành vi vi phạm trong lĩnh vực thống kê nó gắn chặt với việc xây dựng chương trình kế hoạch, chủ trương, định hướng ... phạm vi tác hại rất rộng thậm chí liên quan đến toàn xã hội.

Từ vị trí và tầm quan trọng trên đây, việc quy định mức **phạt tiền tối thiểu** đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực thống kê phải là **50.000 đồng**; dưới mức đó, áp dụng hình thức phạt cảnh cáo.

IV/ Xác định khung phạt tiền từ tối thiểu tới tối đa cho mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

- Khung phạt tiền là xác định mức phạt từ tối thiểu đến tối đa cho một hành vi vi phạm.

- Việc xác định khung phạt tiền (từ tối thiểu tới tối đa) cho mỗi hành vi theo nguyên tắc sau:

+ Đối với cùng một sai phạm nhưng:

* Hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân trực tiếp vi phạm áp dụng khung phạt nhẹ hơn.

* Hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân ép buộc người khác thực hiện sẽ áp dụng khung phạt cao hơn, thậm chí gấp đôi so với tổ chức, cá nhân trực tiếp vi phạm, vì đây là hành động dùng ảnh hưởng của mình để ép buộc cấp dưới mình vi phạm.

+ Vi phạm tác hại đến chất lượng thông tin áp dụng mức phạt cao hơn vi phạm tác hại đến số lượng:

+ Vi phạm tính kịp thời, đầy đủ áp dụng mức phạt thấp hơn hành vi vi phạm về tính chính xác và không báo cáo.

+ Vi phạm phương pháp ghi chép chứng từ, sổ sách áp dụng mức thấp hơn vi phạm phương pháp tổng hợp báo cáo

+ Khung phạt tiền cho một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê nên quy định khoảng cách giữa tối thiểu và tối đa không quá 1 đến 5 lần. Khoảng cách 1,5 đến 2 lần sẽ phù hợp với việc xác định tính chất, mức độ vi phạm gần nhau.

V/ Xác định biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thống kê

1. Điều 12 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính quy định:

. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả

Đối với mỗi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

Tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả

2. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thống kê.

Biện pháp khắc phục hậu quả được xác định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể, nhằm khắc phục, sửa chữa ngay những vi phạm để bảo đảm việc thu thập thông tin thống kê đầy đủ, có độ tin cậy ngày càng cao.

(sẽ quy định cụ thể các điều, khoản tại phần B)

B/ XÁC ĐỊNH CỤ THỂ CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỐNG KÊ, HÌNH THỨC, MỨC PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

I/ . Vi phạm các quy định về điều tra thống kê

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Cố ý trì hoãn việc thực hiện yêu cầu của điều tra viên thống kê;
- b) Nộp chậm phiếu, biểu điều tra thống kê dưới 05 ngày so với quy định của phương án điều tra thống kê.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Nộp chậm phiếu, biểu điều tra thống kê từ 05 ngày đến dưới 10 ngày so với quy định của phương án điều tra thống kê;
- b) Ghi không đủ các thông tin có phát sinh vào phiếu, biểu điều tra theo quy định của phương án điều tra thống kê;
- c) Nộp không đủ phiếu, biểu điều tra thống kê so với quy định của phương án điều tra thống kê.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Cố ý ghi sai lệch thông tin ban đầu do cá nhân, tổ chức được điều tra thống kê đã cung cấp vào phiếu điều tra;

b) Tự ý ghi thông tin vào phiếu, biểu điều tra mà không tiến hành điều tra thực tế tại đơn vị được điều tra thống kê theo quy định của phương án điều tra thống kê;

c) Từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu của điều tra viên theo quy định của phương án điều tra thống kê;

d) Nộp chậm phiếu, biểu điều tra thống kê từ 10 ngày trở lên so với quy định của phương án điều tra thống kê.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Quyết định điều tra thống kê không đúng thẩm quyền;

b) Cản trở việc điều tra thống kê;

c) Khai man hoặc ép buộc người khác khai man thông tin trong điều tra thống kê;

d) Không gửi kết quả tổng hợp điều tra thống kê cho cơ quan thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung.

5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc huỷ bỏ quyết định điều tra thống kê đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 4.

b) Buộc điều tra bổ sung và ghi đầy đủ thông tin vào phiếu, biểu điều tra đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 2.

c) Buộc ghi lại vào phiếu, biểu điều tra thông tin ban đầu của các cá nhân, tổ chức được điều tra cung cấp đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 3.

d) Buộc tiến hành điều tra đủ số đơn vị phải điều tra theo quy định và ghi thông tin trung thực vào phiếu, biểu điều tra đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản.

đ) Buộc cung cấp thông tin đúng sự thật đối với hành vi vi phạm tại điểm c khoản 3, điểm c khoản 4.

e) Buộc gửi kết quả tổng hợp điều tra thống kê cho cơ quan thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung đối với hành vi vi phạm tại điểm d khoản 4.

II/ Vi phạm các quy định về điều tra thống kê của các tổ chức, cá nhân ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước có sử dụng ngân sách nhà nước để điều tra thống kê nhưng không gửi kết quả tổng hợp điều tra cho cơ quan thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước tiến hành điều tra để thu thập những thông tin ngoài phạm vi chức năng, lĩnh vực hoạt động khi chưa được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực đó.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước lợi dụng điều tra thống kê làm phương hại đến lợi ích quốc gia mà chưa tới mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gửi kết quả tổng hợp điều tra cho cơ quan thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung đối với hành vi vi phạm tại khoản 1.

b) Buộc huỷ kết quả điều tra thống kê đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 và khoản 3.

III/ Vi phạm các quy định về sử dụng mẫu biểu báo cáo thống kê

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng mẫu biểu không đúng với mẫu biểu hiện hành do cơ quan có thẩm quyền ban hành để lập báo cáo thống kê.

2. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc huỷ bỏ báo cáo do sử dụng mẫu biểu không đúng và lập lại báo cáo thống kê theo đúng mẫu biểu quy định trong chế độ báo cáo thống kê hiện hành của nhà nước đối với hành vi vi phạm tại khoản 1.

IV/ Vi phạm các quy định về thời hạn báo cáo thống kê, báo cáo tài chính

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi nộp báo cáo chậm so với chế độ quy định dưới 5 ngày đối với báo cáo thống kê tháng; dưới 10 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính quý, 6 tháng; dưới 15 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính năm.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi nộp báo cáo chậm so với chế độ quy định từ 5 ngày đến dưới 10 ngày đối với báo cáo thống kê

tháng; từ 10 ngày đến dưới 15 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính quý, 6 tháng; từ 15 ngày đến dưới 20 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính năm.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi nộp báo cáo chậm so với chế độ quy định từ 10 ngày đến dưới 15 ngày đối với báo cáo thống kê tháng; từ 15 ngày đến dưới 20 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính quý, 6 tháng; từ 20 ngày đến dưới 30 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính năm.

4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi nộp báo cáo chậm so với chế độ quy định từ 20 ngày đến dưới 30 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính quý, 6 tháng; từ 30 ngày đến dưới 45 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính năm.

5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo thống kê, báo cáo tài chính theo chế độ quy định.

Hành vi không báo cáo thống kê, báo cáo tài chính là sau 15 ngày so với thời điểm chế độ quy định đối với báo cáo thống kê tháng, 30 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 45 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính năm mà cơ quan có thẩm quyền chưa nhận được báo cáo.

6. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc nộp báo cáo thống kê, báo cáo tài chính cho cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 5.

V/ Vi phạm các quy định về yêu cầu đầy đủ của báo cáo thống kê

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo thống kê không đầy đủ số lượng biểu hoặc chỉ tiêu thống kê của chế độ báo cáo thống kê tháng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo thống kê không đầy đủ số lượng biểu hoặc chỉ tiêu thống kê của chế độ báo cáo thống kê quý, 6 tháng.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo thống kê không đầy đủ số lượng biểu hoặc chỉ tiêu thống kê của chế độ báo cáo thống kê năm.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc báo cáo bổ sung những biểu, chỉ tiêu chưa báo cáo đối với hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3.

VI/ Vi phạm các quy định về nội dung, phương pháp thống kê

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện không đúng quy định về nội dung báo cáo, kỳ báo cáo, thời hạn báo cáo thống kê;

b) Thực hiện không đúng quy định về phương pháp tính chỉ tiêu trong báo cáo thống kê;

c) Thực hiện không đúng quy định về phạm vi thu thập, nguồn số liệu tổng hợp báo cáo thống kê.

2. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc báo cáo thống kê đúng chế độ quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 1.

VII/ Vi phạm các quy định về yêu cầu chính xác của báo cáo thống kê

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo thống kê sai sự thật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi ép buộc người khác báo cáo thống kê sai sự thật.

3. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc lập lại báo cáo thống kê đúng sự thật đối với hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2.

VIII/ Vi phạm các quy định về khai thác cơ sở dữ liệu thống kê

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp kịp thời, đầy đủ cơ sở dữ liệu thống kê theo quy định.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi cố ý không cung cấp các điều kiện kỹ thuật để khai thác cơ sở dữ liệu thống kê.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không cung cấp cơ sở dữ liệu thống kê theo quy định;

b) Cố ý cản trở việc khai thác cơ sở dữ liệu thống kê.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cung cấp đầy đủ, kịp thời cơ sở dữ liệu thống kê đối với hành vi vi phạm tại khoản 1, điểm a khoản 3.

b) Buộc cung cấp các điều kiện kỹ thuật để khai thác cơ sở dữ liệu thống kê đối với hành vi vi phạm tại khoản 2.

I X/ Vi phạm các quy định về công bố thông tin thống kê

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi công bố thông tin thống kê không đúng thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi công bố những số liệu, tài liệu thống kê theo quy định chưa được phép công bố.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi công bố thông tin thống kê sai sự thật.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc đính chính lại những thông tin thống kê đã công bố sai sự thật đối với hành vi vi phạm tại khoản 3.

X/ Vi phạm các quy định về sử dụng thông tin thống kê

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi không ghi rõ nguồn gốc của thông tin thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia khi phổ biến, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các ấn phẩm.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi trích dẫn sai nguồn gốc thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi cố ý làm sai lệch các thông tin thống kê đã được cơ quan có thẩm quyền công bố khi phổ biến, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các ấn phẩm.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc đính chính nguồn gốc những thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia đã trích dẫn, phổ biến, đăng tải đối với hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3.

XI/ Vi phạm các quy định về bảo quản, lưu trữ tài liệu thống kê

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi để hư hỏng phiếu, biểu điều tra, báo cáo thống kê trong thời hạn lưu trữ theo quy định, nhưng còn khả năng khôi phục.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi để hư hỏng phiếu, biểu điều tra, báo cáo thống kê trong thời hạn lưu trữ theo quy định, nhưng không còn khả năng khôi phục.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Để thất lạc phiếu, biểu điều tra, báo cáo thống kê;

b) Hủy bỏ phiếu, biểu điều tra, báo cáo thống kê khi chưa hết thời hạn lưu trữ theo quy định.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc khôi phục lại phiếu, biểu điều tra, báo cáo thống kê còn khả năng khôi phục đối với hành vi vi phạm tại khoản 1.

XII/ Vi phạm các quy định về bảo mật thông tin của từng cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin thống kê

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tiết lộ thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng cá nhân, tổ chức khi chưa được sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đó.

XIII/ Vi phạm các quy định về thanh tra, kiểm tra thống kê

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức có hành vi đối phó, không cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, chứng từ, sổ sách nhằm làm trì hoãn, trốn tránh yêu cầu của tổ chức Thanh tra, Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên khi đang làm nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra chấp hành pháp luật thống kê.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức thực hiện một trong những hành vi sau đây:

a) Không chấp hành yêu cầu hợp pháp của Thanh tra chuyên ngành thống kê và các cơ quan có thẩm quyền khác;

b) Che giấu, sửa chữa tài liệu, chứng từ, sổ sách hoặc làm thay đổi tang vật trong khi đang bị thanh tra.

C/ THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỐNG KÊ

I/ Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh, Chánh thanh tra, Thanh tra viên Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê trên phạm vi địa bàn hành chính của huyện, quận, tỉnh, thành phố.

2. Chánh thanh tra, Thanh tra viên Tổng cục Thống kê có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê trên phạm vi cả nước.

3. Trong trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

4. Thẩm quyền xử phạt của những người được quy định tại các khoản 1, 2, 3 là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính. Trong trường hợp phạt tiền, căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể để xác định thẩm quyền xử phạt theo quy định.

5. Trong trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt được xác định theo nguyên tắc sau đây:

a) Nếu hình thức, mức xử phạt được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của một người xử phạt, thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;

b) Nếu hình thức, mức xử phạt được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của một người xử phạt, thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt.

II/ Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

1. Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
3. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.

III/ Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

1. Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến mức tối đa theo quy định quy định;
3. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.

I V/ Thẩm quyền xử phạt của thanh tra viên chuyên ngành thống kê

Thanh tra viên chuyên ngành thống kê gồm thanh tra viên của Thanh tra Tổng cục Thống kê và Thanh tra Cục thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thanh tra viên chuyên ngành thống kê có quyền:

1. Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến 200.000 đồng;
3. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.

V/ Thẩm quyền xử phạt của Chánh thanh tra Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Chánh thanh tra Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:

1. Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
3. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.

V I/ Thẩm quyền xử phạt của Chánh thanh tra Tổng cục Thống kê

Chánh thanh tra Tổng cục Thống kê có quyền:

1. Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Nghị định này;
3. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả.

VII/ Trách nhiệm của công dân trong việc phát hiện các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

Mọi công dân có quyền và trách nhiệm tố giác các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê với người có thẩm quyền xử phạt. Người có thẩm quyền xử phạt phải tiến hành xử phạt kịp thời theo quy định của pháp luật.

VIII/ Ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính chính trong lĩnh vực thống kê

1. Việc ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính do các chức danh quy định như trên chỉ được thực hiện đối với cấp phó trực tiếp. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện bằng văn bản và trong trường hợp cấp trưởng vắng mặt.

2. Cấp phó được cấp trưởng ủy quyền có quyền xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền của cấp trưởng; phải chịu trách nhiệm về quyết định xử phạt vi phạm hành chính do mình thực hiện. Người được ủy quyền không được ủy quyền tiếp cho bất kỳ cá nhân nào khác.

I X/ Đóng dấu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh, Chánh Thanh tra Cục Thống kê cấp tỉnh, Chánh Thanh tra Tổng cục Thống kê được đóng dấu cơ quan của người có thẩm quyền đã xử phạt.

2. Quyết định xử phạt của Thanh tra viên chuyên ngành thống kê được đóng dấu của tổ chức Thanh tra thống kê cùng cấp vào góc trái tại phần trên cùng của quyết định xử phạt, nơi ghi tên cơ quan xử phạt và số, ký hiệu của quyết định xử phạt.

D. THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỐNG KÊ

I/ Đình chỉ hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

Khi phát hiện hoặc nhận được báo cáo về vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, người có thẩm quyền phải kiểm tra, xác minh, ra lệnh đình chỉ ngay hành vi vi phạm và lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

II/ Lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Khi phát hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, người có thẩm quyền phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính.

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê là cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật thống kê và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

2. Việc lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được áp dụng đối với mọi trường hợp có hành vi vi phạm hành chính về thống kê, trừ trường hợp vi phạm được xác định lại từ án hình sự chuyển sang xử phạt vi phạm hành chính.

3. Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được lập 4 bản theo mẫu quy định kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002. Biên bản phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm cùng ký vào từng tờ của biên bản. Nếu người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do không ký vào biên bản.

4. Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê phải được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm một bản, người ra quyết định thanh tra (hoặc Thanh tra cùng cấp) một bản, Thanh tra cấp trên một bản, người lập biên bản một bản; nếu vụ vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì người đó phải gửi biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt.

III/ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được lập 4 bản theo mẫu quy định kèm theo Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ. Căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê ra quyết định xử phạt theo một trong hai hình thức: cảnh cáo hoặc phạt tiền và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

2. Thời hạn ra quyết định xử phạt là mười ngày, kể từ ngày lập biên bản về vi phạm hành chính; đối với vụ vi phạm hành chính có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn ra quyết định xử phạt là ba mươi ngày. Trong trường hợp xét cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền xử phạt phải báo cáo bằng văn bản với thủ trưởng trực tiếp của mình hoặc với người ra quyết định thanh tra để gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá ba mươi ngày. Quá thời hạn nói trên, người có thẩm quyền xử phạt không được ra quyết định xử phạt, trong trường hợp không ra quyết định xử phạt thì vẫn có thể áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

3. Khi quyết định xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính, người có thẩm quyền chỉ ra một quyết định xử phạt trong đó ghi cụ thể hình thức, mức phạt đối với từng hành vi vi phạm, nếu các hình thức xử phạt là phạt tiền thì cộng lại thành mức phạt chung.

4. Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định xử phạt quy định ngày có hiệu lực khác.

5. Quyết định xử phạt bằng hình thức phạt tiền được gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt một bản, cơ quan thu tiền phạt một bản, người ra quyết định xử phạt một bản, Thanh tra cấp trên một bản trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định xử phạt.

IV/ Thủ tục phạt cảnh cáo và phạt tiền vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Việc phạt cảnh cáo và phạt tiền vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê phải theo đúng quy định của pháp luật.

2. Khi phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ là mức trung bình của khung

tiền phạt được quy định đối với hành vi đó. Mức trung bình của khung tiền phạt được xác định bằng cách chia đôi tổng số của mức tối thiểu cộng với mức tối đa. Nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống, nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

V/. Nơi nộp tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Cá nhân, tổ chức bị phạt tiền phải nộp tiền phạt và được nhận biên lai thu tiền phạt.
2. Tiền phạt thu được phải nộp vào ngân sách nhà nước qua tài khoản của cơ quan thu tiền phạt mở tại kho bạc nhà nước.
3. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, cá nhân, tổ chức bị xử phạt phải nộp tiền phạt tại kho bạc nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt, trừ trường hợp đã nộp tiền phạt tại chỗ quy định tại khoản 4.
4. Tại những vùng xa xôi, hẻo lánh, những vùng mà việc đi lại gặp khó khăn thì cá nhân, tổ chức bị xử phạt có thể nộp tiền phạt cho người có thẩm quyền xử phạt. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm thu tiền phạt tại chỗ và nộp vào kho bạc nhà nước trong thời hạn không quá bảy ngày, kể từ ngày thu tiền phạt.

VI/ Chuyển hồ sơ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự trong lĩnh vực thống kê

Thủ tục để chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự trong lĩnh vực thống kê được thực hiện theo Điều 62 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

VII/ Chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính và chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

Thủ tục để chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính và chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được thực hiện theo các điều 63, 64 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

VIII/ Cưỡng chế và thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được thực hiện theo quy định tại Điều 66 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.
2. Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được thực hiện theo Điều 69 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

E. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, NGUYÊN TẮC, KIỂM TRA, THANH TRA

I/ Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền và thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê:

- a) Vi phạm các quy định về điều tra thống kê;
- b) Vi phạm các quy định về báo cáo thống kê;
- c) Vi phạm các quy định về công bố và sử dụng thông tin thống kê;
- d) Vi phạm các quy định về lưu trữ tài liệu thống kê;
- đ) Vi phạm các quy định về thanh tra, kiểm tra thống kê.

II/ Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, cơ quan, tổ chức trong nước và nước ngoài (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều bị xử phạt theo quy định, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác.

2. Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi hành vi vi phạm hành chính do tổ chức mình gây ra. Sau khi chấp hành quyết định xử phạt, tổ chức bị xử phạt xác định cá nhân có lỗi gây ra vi phạm hành chính để xác định trách nhiệm pháp lý và nghĩa vụ tài chính của người đó theo quy định của pháp luật.

III/ Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

IV/ Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng

Khi tiến hành xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, chỉ những tình tiết sau đây được coi là tình tiết giảm nhẹ và tình tiết tăng nặng:

1. Những tình tiết giảm nhẹ:

- a) Người vi phạm hành chính đã tự nguyện khai báo, thành thật nhận lỗi, đã tự giác sửa chữa, khắc phục hậu quả;
- b) Vi phạm do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần;

- c) Vi phạm vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra;
- d) Vi phạm do trình độ bị hạn chế, chưa được tập huấn, bồi dưỡng và hướng dẫn về chế độ thống kê, được cơ quan thống kê các cấp xác nhận.

2. Những tình tiết tăng nặng:

- a) Vi phạm có tổ chức;
- b) Cố ý không báo cáo hoặc báo cáo sai sự thật liên tục nhiều kỳ. Cố ý áp dụng sai phương pháp tính chỉ tiêu thống kê, thực hiện sai các quy định của phương án điều tra thống kê, sau khi đã được nhắc nhở nhưng vẫn vi phạm;
- c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm;
- d) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, hoàn cảnh thiên tai hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm;
- đ) Vi phạm trong thời gian đang chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thống kê;
- e) Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu hành vi vi phạm.

V/ Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê là một năm kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện; nếu quá thời hạn nói trên thì không xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

2. Đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thống kê mà bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính thì bị xử phạt hành chính; trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người đã ra quyết định đình chỉ phải gửi quyết định cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án và hồ sơ vụ vi phạm.

3. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 mà cá nhân, tổ chức lại thực hiện vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực thống kê hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1 và khoản 2; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

VI/ Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, nếu quá một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

VII/ Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê còn bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả.

VIII/ Xác định mức trung bình của khung tiền phạt

Khi phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó. Mức trung bình của khung tiền phạt được xác định bằng cách chia đôi tổng số của mức tối thiểu cộng với mức tối đa.

I X/ Giám sát, kiểm tra về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê có trách nhiệm thường xuyên giám sát, kiểm tra việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê, giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo trong xử phạt vi phạm hành chính có liên quan đến người có thẩm quyền xử phạt; xử lý người có sai phạm trong xử phạt vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của mình và thực hiện chế độ báo cáo về tình hình vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực phụ trách theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

X/ Giải quyết khiếu nại, khởi kiện về quyết định xử phạt vi phạm hành chính và tố cáo hành vi trái pháp luật của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê có quyền khiếu nại đối với người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Việc khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

Trong thời gian khiếu nại hoặc khởi kiện, cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê vẫn phải thi hành quyết định xử phạt, khi có quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật, thì thi hành theo quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo bản án, quyết định của tòa án.

2. Việc tố cáo và giải quyết tố cáo về những hành vi trái pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo và các quy định của pháp luật khác.

XI/ Xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

Xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được thực hiện theo Điều 121 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính.

F. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ĐỀ TÀI, KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1/ Kết quả thử nghiệm đề tài:

Kết quả nghiên cứu đề tài được triển khai áp dụng trong việc xây dựng dự thảo Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê nhằm hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật được nhiều bộ, ngành, địa phương đóng góp ý kiến; cơ bản phù hợp với thực tiễn, dựa trên cơ sở lý luận, bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ với các văn bản pháp lý và có tính khả thi cao.

2/ Kết luận:

Đề tài này chỉ đề cập đến nội dung cơ bản các hành vi vi phạm, hình thức và mức phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê cũng như trách nhiệm, thẩm quyền xử lý của thanh tra viên, UBDD các cấp, Tuy nhiên để đề tài thực sự đi vào cuộc sống và có thể thực hiện đòi hỏi cần phải hoàn thiện thêm và được triển khai thông qua quá trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3/ Kiến nghị:

Để đáp ứng việc thi hành pháp luật về thống kê, đưa pháp luật vào cuộc sống, phục vụ đắc lực cho công tác thống kê, ngoài việc xây dựng chế tài cũng cần phổ biến tuyên truyền, giáo dục pháp luật thường xuyên trong đó có các Nghị định kèm theo, đồng thời công tác thanh tra, kiểm tra phải tiến hành triệt để và thường xuyên song song với việc xử lý vi phạm nghiêm minh. Trong quá trình thực hiện những nội dung về hành vi vi phạm, hình thức và mức phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê cần được bổ sung và hoàn thiện để phù hợp với yêu cầu thực tiễn của công tác quản lý và sự phát triển của xã hội.

DANH SÁCH CÁC CHUYÊN ĐỀ

Chuyên đề 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn việc xử phạt vi phạm hành chính.

Chuyên đề 2: Xác định phạm vi đối tượng, nguyên tắc, thẩm quyền, thủ tục xử phạt VPHC trong lĩnh vực TK

Chuyên đề 3: Xác định hành vi VPHC, hình thức và mức xử phạt đối với những vi phạm về:

- Ban hành và thực hiện hệ thống chỉ tiêu TKQG
- Ban hành và thực hiện chương trình điều tra thống kê quốc gia
- Ban hành và thực hiện các bảng phân loại TK

Chuyên đề 4: Xác định hành vi VPHC, hình thức và mức xử phạt đối với những vi phạm các quy định trong điều tra TK gồm:

- Trong chương trình điều tra TK.
- Ngoài chương trình điều tra TK.
- Tổ chức, cá nhân ngoài tổ chức TK nhà nước.

Chuyên đề 5: Xác định hành vi VPHC, hình thức và mức xử phạt đối với những vi phạm các quy định về: chế độ báo cáo thống kê cơ sở, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp.

Chuyên đề 6: Xác định hành vi VPHC, hình thức và mức xử phạt đối với những vi phạm các quy định về:

- Quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu TK
- Công bố thông tin TK.
- Sử dụng thông tin TK và bảo mật thông tin TK

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Pháp lệnh Kế toán – Thống kê năm 1988
- Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính năm 1990
- Nghị định số 52/HĐBT/1992 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán và thống kê
- Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính năm 1995
- Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê số 93/1999/NĐ-CP
- Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002
- Luật Thống kê Việt Nam năm 2003
- Luật thống kê các nước trong khu vực và các nước